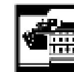
NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP. HỒ CHÍ MINH
HOAN NGHÊNH BẠN ĐỌC GÓP Ý PHÊ BÌNH

NGUYỄN PHAN QUANG

GIÁO SƯ TRẦN VĂN GIÀU
nghe Thầy kể chuyện



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Nguyễn Phan Quang
Giáo sư Trần Văn Giàu = Nghe Thầy kể chuyện / Nguyễn Phan Quang. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 2011. - 88tr. : ảnh ; 21cm
ISBN 9786045800522

1. Trần Văn Giàu, Giáo sư, Nhà khoa học, 1911-2010, Việt Nam 2. Tiểu sử 3. Sự nghiệp 4. Truyện kí
300.92 - dc14

TMB0011p-CIP

Thay lời giới thiệu

Tôi có vinh dự được là một trong số không nhiều các học trò đầu tiên của Trường Dự bị Đại học ở Thanh Hóa cuối năm 1951 - đầu năm 1952, cũng là một trong những học trò "lớp dự bị" đầu tiên của GS. Trần Văn Giàu.

Từ năm 1984, tôi được biệt phái vào dạy học tại Thành phố Hồ Chí Minh, nghĩ bụng chỉ vài ba năm hết biệt phái lại trở ra Hà Nội, nào ngờ "biệt phái dài hạn" hơn 20 năm ở phương Nam!

Học trò của Thầy Giàu qua các thế hệ rải đầy khắp nước. Số bạn bè cùng khóa 1951 - 1953 ở Thanh Hóa, rồi 1954 - 1956 ở Hà Nội vào công tác tại TP. Hồ Chí Minh sau ngày giải phóng miền Nam năm 1975 cũng có mấy người, nhưng theo nghề Sử của Thầy thì hình như chỉ có một mình tôi.

Suốt 20 năm, kể từ 1984, tôi có điều kiện tiếp xúc nhiều với Thầy (qua các hội thảo khoa học, được tham gia công trình "Lịch sử Việt Nam" do Thầy chủ trì, được Thầy "mời" làm Phó Chủ tịch Ủy ban Giải thưởng Trần Văn Giàu về Lịch sử và Lịch sử tư tưởng...).

Là học trò của Thầy ngót 60 năm trước, tôi cảm nhận sâu sắc vinh dự này và luôn mong được nghe Thầy truyền lại những kinh nghiệm nghiên cứu và giảng dạy lịch sử; nếu có dịp thì được nghe Thầy kể chuyện dài dài về cuộc đời làm cách mạng và làm nhà giáo của Thầy.

Và dịp đó đã đến với tôi. Đó là vào những tháng đầu năm 1995. Hồi này, Thầy vừa bình phục sau lần phẫu thuật, nhưng chưa đi lại được bình thường. Hàng ngày, Cô (người bạn đời, cùng tuổi với Thầy) vẫn phải dìu Thầy ngồi vào chiếc xe lăn, đẩy đi đẩy lại loanh quanh trong nhà. Tôi và các bạn đến thăm Thầy thường xuyên hơn. Tuy chưa bình phục hẳn nhưng gặp các học trò cũ, chúng tôi cảm thấy Thầy và Cô vui hẳn

lên. Mỗi lần ra về, Thầy Cô lại dặn: "Các chú rảnh việc thì đến với Thầy Cô nha!".

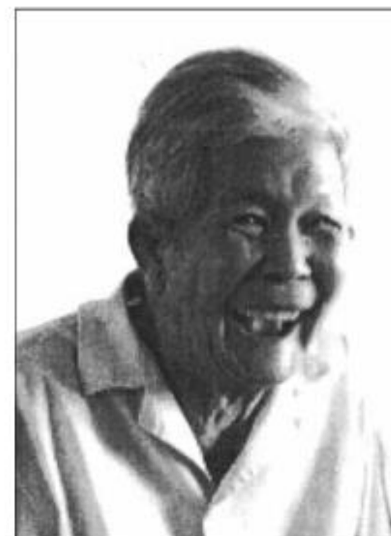
Một lần tôi đánh bạo đến một mình: "Thưa Thầy, Thầy chưa đi lại được bình thường, em muốn đến để được nghe Thầy kể chuyện, cả những chuyện Thầy chưa từng kể, cũng là để Thầy khuây khỏa, có được không ạ?". Thầy cười khó hiểu: "Chú Quang là nhà sử học, "lều" sử học thôi, tôi ngán gì!".

"Em sợ ghi tốc ký cũng không kịp nên mang theo máy ghi âm để Thầy kể chuyện thoải mái". Thầy cười hiền từ, nhưng rồi nghiêm khắc hỏi lại: "Ghi âm? Chú định viết sách về Trần Văn Giàu?". "Dạ, em không dám đâu ạ. Em chỉ mong ghi lại để con cháu của em biết là cha ông chúng nó đã từng được học một ông thầy như thế!". Thầy quắc mắt: "Như thế là như thế nào?". Tôi lúng búng: "Dạ, là như, là như... ông Trần Văn Giàu ạ!". Thầy cười mắng: "Chú này lộn xộn! Thôi, hỏi gì thì hỏi đi; mà đã kể thì phải kể có đầu có cuối, và phải mấy buổi chứ không phải một buổi là hết chuyện đâu, nhớ

đâu kể đó thôi!". Tôi mừng quá, miệng vẫn lúng búng: "Dạ, chỉ sợ Thầy mệt!"...

Hà Nội, những ngày rét đậm
đầu năm 2011!

NGUYỄN PHAN QUANG



Già lắm mà vẫn lạc quan
Giàu
Trần văn Giàu

Gia đình tôi ở tỉnh xưa gọi là Tân An mà nay gọi là Long An. Đó là cái tỉnh phần lớn là Đồng Tháp Mười: rừng tràm, nước phèn thì nhiều mà văn học, chữ nghĩa thì ít lắm. Tỉnh tôi trước kia chỉ có ông Nguyễn Thông là người được học hành cao, sau làm Bố chính Bình Thuận. Nói chung đó là một tỉnh của người lao động vất vả, của người Đồng Tháp Mười, chỉ có nước phèn với rừng tràm, chứ không phải là mảnh đất có nhiều người thành đạt.

Nhưng được cái thế của tỉnh là sông rạch và rừng rú nhiều nên cũng là cái ổ của kháng chiến. Khi Tây nó đến - cái thời mà tôi nghe nói và biết được, thì ông cha tôi đã là binh lính của cuộc khởi

nghĩa Thủ khoa Huân, nổ ra cách nhà tôi không bao xa. Mà trong gia đình cũng có chết nhiều. Lớn lên, năm nào chúng tôi cũng đều đi tảo mộ những người bị chết trong khởi nghĩa Thủ khoa Huân. Có cái "Mả Bảy", tức là 7 người bị bắn một loạt. Mỗi lần đi tảo mộ đều gợi lên trong tôi một cảm xúc lạ lắm!

Tới chiến tranh thế giới thì tôi có hai ông anh đã lớn (mười mấy, hai mươi tuổi) trực tiếp tham gia Thiên Địa hội đi đánh Khám Lớn, nhưng thất bại rồi rút lui về làng. Những điều đó ít nhiều cũng có ảnh hưởng đến đầu óc còn non nớt của tôi lúc đó. Tôi bắt đầu hiểu chính trị, nhưng mà lợt lạt lắm.

Năm 1925 - 1926, tôi lên Sài Gòn học, không có tư tưởng chính trị gì lắm đâu, chỉ chống Tây thì nói chống Tây vậy thôi, chứ tư tưởng yêu nước thì chưa có gì sâu sắc. Nhưng bấy giờ tôi chịu ảnh hưởng của phong trào Nguyễn An Ninh, rồi phong trào của Phan Châu Trinh. Lúc đó, tôi đang học ở trường Chasseloup Laubat - (bây giờ là trường Lê Quý Đôn) là một trường cao và lớn nhất lúc bấy giờ. Tôi đã đến tuổi hiểu được những gì ẩn trong những lời kêu gọi của Nguyễn An Ninh. Nhất là tư tưởng chống lại cái gia đình phong kiến, hô

hào bọn trẻ rời khỏi nhà mình, đi cho xa, thật xa để tìm lý tưởng, chứ không phải bó rọ ở trong gia đình của mình. Đó là lần đầu tiên tôi nghe được lời khuyên lạ tai mà rất là lý thú. Là thanh niên, không chịu bó tay ở trong gia đình, không những phải rời khỏi làng, khỏi tỉnh, khỏi xứ, mà phải đi cho thật xa để tìm lý tưởng gì mới, chứ không phải cứ bị ràng buộc vào cái tư tưởng của Khổng giáo. Đó là điều thứ nhất đánh mạnh vào đầu óc của tôi.

Rồi năm 1926, ông Phan Châu Trinh chết. Tôi và các anh em trong trường học tổ chức xô cửa trường (cửa trường đóng, không cho ra) để đi biểu tình đưa tang ông Phan Châu Trinh. Có lần gặp bà Bình (Nguyễn Thị Bình), tôi nói: *"Bà không biết chứ có lẽ tôi là người cuối cùng [ý nói: người còn sống cho đến hôm nay] đi biểu tình đưa tang ông Phan Châu Trinh"*. Cả trường chúng tôi tham dự cuộc biểu tình lớn này; mà trường chúng tôi bấy giờ lại là trường con nhà giàu nên nó chỉ đuổi một số thôi. Tôi không thuộc vào những người bị đuổi nên vẫn được ở lại học. Nhưng mà học cũng không được, vì cái khí thế chính trị lúc đó không cho phép mình học một cách yên ổn.

Trong nhà trường đã vậy, ngoài xã hội càng sôi nổi: vụ Nguyễn An Ninh, vụ Phan Châu Trinh,

lại còn tờ "La Cloche Fêlée" của Nguyễn An Ninh công kích chính phủ rất mạnh, rồi đến những bài viết rất hay của Luật sư - Tiến sĩ Phan Văn Trường; lại có một người Pháp dân chủ tuyên truyền lý tưởng tự do, bình đẳng, bác ái của đại cách mạng Pháp. Ông này là trạng sư MONIN nói tiếng Pháp hay lắm. Chúng tôi nghe cái văn của Nguyễn An Ninh và Phan Văn Trường, nghe diễn thuyết chính trị rất hùng dũng của ông MONIN... Tôi đã chịu ảnh hưởng của tình hình như vậy đó!

Sau cuộc biểu tình nhân đám tang Phan Châu Trinh, một số anh em bị đuổi học, một số khác trốn đi Pháp để tìm lý tưởng mới, như ông Nguyễn An Ninh kêu gọi. Tôi cũng ở trong số đó, muốn đi khỏi nhà, khỏi nước để tìm lý tưởng mới, nhưng lý tưởng mới đó là gì thì không rõ, nhưng chắc chắn phải có lý tưởng nào cao xa hơn, không phải là cái cũ mà mình có lâu nay. Vậy là tôi xin cha mẹ cho đi Pháp.

Ý tưởng của tôi là: đi Pháp học cho giỏi để lấy được mấy cái bằng tiến sĩ luật khoa và văn khoa. Luật khoa để khi trở về Sài Gòn làm ông trạng sư giỏi, bênh vực đồng bào mình bằng những lời cãi hùng hồn như ông MONIN, tiến sĩ văn chương để biết viết bài sâu sắc như Phan Văn Trường, như

Nguyễn An Ninh. Đấy, chỉ có thế thôi, nghĩa là không phải làm ông quan mà là làm trạng sư và nhà báo. Sau khi ở Pháp về sẽ mở văn phòng luật sư, ra một tờ báo để bênh vực đồng bào mình, không phải nhà cách mạng. Mục đích thấp thỏi như thế, rất là bình thường; chỉ đơn giản là yêu nước, yêu dân và chống Pháp thôi chứ chưa có gì cách mạng cả.

Sự thực là như vậy nên cha mẹ cũng cho đi; lại thấy tôi học giỏi nên tin chắc rằng tôi mà đi Pháp thì thế nào cũng thành công. Nhưng ở nhà (nói lằng nhằng cho chú Quang nghe thôi) bắt buộc tôi phải đi hỏi vợ trước rồi mới được đi Tây; có lẽ sợ tôi sang Tây kiếm một cô đầm nào cũng nên. Tôi đi hỏi vợ - bà này đây này *(Thầy cười, quay sang nhìn Cô)* - tôi bấy giờ cũng giống như con trâu mới lớn lên, cha mẹ muốn buộc con trâu ở trong nọc, cho nó đi vòng vòng thế thôi, chứ không cho đi xa. Chú hiểu ý đó chứ?

Thế là tôi đi Pháp năm 1928. Khi qua Pháp, tôi thường đi tham dự những hoạt động và sinh hoạt chính trị trong thành phố Toulouse - một thành phố có phong trào cộng sản mạnh. Tôi nhận ra có những người Pháp bênh vực nhân dân Việt Nam; đó là những người cộng sản. Cho nên tôi đi theo

họ, rồi bắt đầu bị "tiêm nhiễm". Mình ở bên đây nói đến Tây là mình ghét, sang qua đó có tụi Tây mình thương được, bởi vì nó bênh vực mình. Rồi thì những người Pháp đó tuyên truyền cho mình, tổ chức mình vào Đảng Cộng sản Pháp, mặc dù lúc đó mình còn rất trẻ, mới có 18 tuổi thôi.

Để giúp cho công tác binh vận của Đảng Cộng sản Pháp, nghĩa là làm tờ báo tuyên truyền, vận động người lính Việt Nam đóng đồn ở phía nam nước Pháp chống lại thực dân (Phía nam nước Pháp là một vùng ấm áp nên Pháp để lính Việt Nam ở phía nam. Vậy nên, lính Việt Nam ở miền Bắc thì ít, ở miền Nam thì đông) thì tôi làm ngay; nhưng tuổi tôi bấy giờ chưa phải là tuổi đã có thể viết báo được. Nói làm báo - tờ báo là báo "Cờ Đỏ" - nhưng tôi chỉ có việc dịch bài của người Pháp và viết ra chữ quốc ngữ, rồi anh em Pháp họ in, rồi họ đi phát, chứ còn tôi chưa có đủ sức để viết báo.

Thế là tôi bắt đầu làm chính trị từ đó (năm 1929). Công việc làm bí mật, vừa làm vừa đi học.

Nhưng qua năm 1930 thì có một việc rất lớn như là một trái bom nổ trong lỗ tai của chúng tôi. Đó là khởi nghĩa Yên Bái. Trước đó thì không có biểu tình gì cả, êm ru à! Rồi đùng một cái, Yên Bái nổ ra, nhưng rồi thất bại, Tây nó bắt, nó tiêu

diệt khởi nghĩa và đợt đầu tiên nó đem 13 người ra xử tử, trong đó có Nguyễn Thái Học, Ký Con...

Bên Pháp được tin như thế thì phải tính làm sao? Mình đi Pháp là tính làm hai cái tiến sĩ để về làm báo, làm văn phòng luật sư. Nhưng bây giờ chẳng lẽ cứ học hay sao? Ngồi yên để mà học hay là đi ra đấu tranh? Ra đấu tranh có thể nó đuổi, nó không cho học nữa. Mà ở nhà thì mình đã hứa với gia đình, nhất là hứa với bên vợ như thế, sẽ về làm ông tiến sĩ, ông luật sư, nhà báo.

Nhưng đang học giữa chừng chưa đến đâu cả, thì Yên Bái nổ ra, nó đem lên đoạn đầu đài 13 người; mình là người Việt Nam, sinh viên ở tại nước Pháp và Paris thế nào? Thứ nhất, mình đã là đảng viên cộng sản rồi, làm sao đây? Không đi biểu tình thì cũng được, không ai bắt buộc mình; còn nếu tham gia tổ chức biểu tình thì có khả năng nó không cho mình học nữa rồi đuổi về thì cái mục đích của mình đặt ra hai năm trước không đạt được nữa.

Nhưng rồi chúng tôi quyết định tranh đấu cùng với nhân dân Pháp biểu tình chống sự đàn áp Yên Bái, ủng hộ Yên Bái, ủng hộ những người bị xử tử, đòi tổng thống Pháp phải bỏ án tử hình đi. Cuối cùng vào tháng 5 năm 1930, chúng tôi làm

một cuộc biểu tình tại Paris, trước dinh tổng thống Pháp, chỗ Mitterand ở bây giờ, để đòi thả những người Yên Bái. Tôi là đại biểu của anh em học sinh, sinh viên và thợ thuyền ở Toulouse lên dự cuộc mít tinh. Trong cuộc biểu tình đó tôi bị bắt. Bị bắt thì trong bụng tưởng đâu là nó bắt thì nó giam ít bữa rồi nó thả ra, bởi vì nước Pháp dân chủ mà! Dân chủ thì được tự do biểu tình, mình bị nó bắt thì nó đạp chân đạp cẳng ít hôm rồi nó thả ra chứ nó giữ mình làm gì. Nó thả ra, nếu bị đuổi khỏi trường này thì mình lại qua học trường khác. Nhưng mà không phải thế. Tụi tôi cũng tính trước có khả năng nó đuổi khỏi trường và cũng có khả năng nó đuổi khỏi nước Pháp, không cho học nữa. Và rồi khả năng thứ hai trở thành thực tế: nó đuổi bọn tui về.

Tháng 6-1930, tôi và 18 anh em bị đuổi về Việt Nam, không cho học nữa. Không nhớ hết. Nguyễn Văn Tạo cũng bị bắt bữa đó, nhưng nó lại thả, sau Tạo đi biểu tình nữa, nó lại bắt. Có thầy kiện biểu tình đòi thả bọn tui ra, nhưng không thành công.

Chúng tôi về đến Sài Gòn tháng 7-1930. Trước khi thả, nó đưa vào Khám Lớn đặng ghi tên, lăn tay, chụp hình... Té ra mấy năm trước mình đi Pháp tưởng là khi về sẽ có 2 bằng tiến sĩ... Nhưng mà bây giờ thực tế trở về, ngay cả một miếng giấy lộn

cũng không có chứ đừng nói bằng cấp gì, quần áo cũng không. Bữa đi biểu tình, tôi ở Toulouse lên không mang quần áo gì, chỉ mang cái áo ngoài thôi. Về nhà xem như là trơ trụi hết!

Lúc đó tất nhiên mình có suy nghĩ: bây giờ không có bằng cấp, không có gì cả, lại về ngay trong Khám Lớn, chẳng những bên nhà mình phiền lòng mà bên nhà vợ chắc còn phiền lòng hơn nữa, chắc họ cũng thôi không gả con cho nữa đâu. Nhưng mà về tới Sài Gòn, được tự do, ở nhà bên tôi thì không rầy rà gì, bên vợ cũng vậy, vì bên vợ tôi là một gia đình có truyền thống cách mạng; nhà ông cố là trụ sở, là tổng hành dinh của Thủ khoa Huân khởi nghĩa. Còn ba ông con trai thì một người bị bắn, một người bị chém, một người bị "khấc nhượng" (cắt gân), cũng là nhà yêu nước; cho nên bây giờ mình chống Tây thì họ cũng không chê lắm. Vả lại, lúc đó là lúc ông Nguyễn Sinh Sắc ghé nhà chơi hoài. Họ vẫn cho cưới!

Trong lúc công khai cưới vợ thì tôi làm hai việc: một việc bí mật, một việc công khai. Bí mật là tôi gia nhập ngay Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1930 (tháng 8-1930); còn việc công khai là tôi đi dạy học ở trường trung học Huỳnh Công Phát trên đường Kichner, quận 1, Sài Gòn.



Vợ chồng GS. Trần Văn Giàu lúc trẻ.

Tôi bắt đầu nghề giáo một cách tình cờ như thế, chứ không có ý định gì trước. Trước hết là bây giờ thì phải kiếm ăn, kiếm ăn thì hay nhứt là đi dạy học; hai nữa là muốn ở Sài Gòn để hoạt động thì cũng phải có việc đặng mà che việc làm của mình. Nhưng mà sự thật có một thứ dạy khác, cũng là nghề giáo dục, đó là giáo dục chính trị cách mạng. Tôi làm giáo viên (professeur)[1] ở trường Huỳnh Công Phát, nhưng đồng thời cũng được Xứ ủy chỉ định làm giảng viên của một tổ T.K. (Thanh niên Kộng sản).

Tôi còn nhớ tổ đó độ chừng mười mấy người. Lớp học đó phần nhiều là học trò trường trung học, mà trong số đó có lẽ bây giờ đã chết hết rồi; tôi nhớ có Kinh, sau là đại sứ ở Moscou. Trường đó ở trên đường Albert 1er (nay là Đinh Tiên Hoàng); nghĩa là không kể những việc khác thì công tác đầu tiên của tôi ở Sài Gòn là dạy học. Có hai thứ dạy học: một thứ dạy theo chương trình Tây (ở trung học), một thứ dạy theo chương trình cách mạng (lớp T.K.)

Tôi bắt đầu giảng dạy ở lớp T.K. bằng việc cắt nghĩa thế nào là Thanh niên Kộng sản. Công việc

(1) Những chữ Pháp là do GS. Trần Văn Giàu nói thêm trong khi kể chuyện.

là vậy; và chắc là không lọt khỏi con mắt của tụi Tây. Một hôm vào cuối năm 1930, đầu năm 1931, dạy xong tôi bỏ quên cái cặp ở lớp. Ngay đêm đó cơ quan bị bắt, bị Tây bao vây bắt tất cả những ai có mặt trong cơ quan. Khi tôi đến, thấy có bí hiệu trước cửa, tôi biết rằng cơ quan bị thộp (vồ) rồi.

Từ ngày đó, tôi trở thành người cách mạng chuyên môn. Tôi trốn về nhà tôi ở, vì mình có hai, ba chỗ ở. Nhìn lại, đến lúc đó, cuộc đời tôi có thể nói đã trải qua hai bước ngoặt. Việc tôi bị bắt trước dinh tổng thống Pháp là bước ngoặt thứ nhất, từ một anh học sinh trở thành một người đi làm cách mạng; bước ngoặt thứ hai: từ một người cách mạng làm nửa công khai, nửa bí mật trở thành một người làm cách mạng chuyên môn. Từ nay thì không có làm công khai được rồi, chỉ toàn làm việc bí mật thôi.

Chú nghĩ coi, hai bước ngoặt, nghĩa là tôi muốn nói rằng cái nghề giáo của tôi không phải là ý tôi muốn mà do cuộc đời nó xô đẩy thế, và tôi trở thành một người cách mạng chuyên môn, nhưng lại bắt đầu chuyên môn của mình trong việc dạy học. Như vậy là ngay từ lúc đầu, tôi đã đi vào nghề cách mạng. Trong nghề cách mạng, chuyên môn chính là tuyên huấn, giảng dạy, đào tạo cán

bộ, có thể xem như một điều không tính trước, cuộc đời đưa đẩy như vậy, và tôi nhận xét rằng quyết định như vậy là đúng: không thể tiếp tục học làm tiến sĩ trước việc lớn như Yên Bái. Thực dân tàn sát dã man, mình phải có thái độ tham gia cuộc vận động chống đế quốc.

Khi trở về Sài Gòn, anh em đưa vào Đảng Cộng sản làm công tác huấn luyện bí mật, trở thành người cách mạng chuyên nghiệp, xét cho cùng là một sự tình cờ (hasard) nữa, nhưng khi xảy ra tôi đã giải quyết được và giải quyết đúng. Tôi không thắc mắc về sự chuyển hướng đó, gia đình cũng vậy. Có thể có người "tiếc" giùm, nhưng nói chung mọi người đều thấy là đúng.

* * *

Không phải sinh ra là người cách mạng, mà cuộc đời xô đẩy. Nhưng mỗi lần gặp sự xô đẩy như vậy là mình lại có cách giải quyết, sau này nhìn lại thì thấy đó là cách giải quyết đúng. Cuộc đời đặt ra nhiều vấn đề. Hay, dở, tốt, xấu..., phần nhiều là do tự mình giải quyết những vấn đề đặt ra cho mình.

Đi học như tôi, nhiều người cũng yêu nước, nhưng họ vẫn học như thường và trở thành kỹ sư,

bác sĩ... có tiếng tăm, giàu có... mà vẫn đi theo cách mạng. Đó là một cách giải quyết. Thực ra đó cũng là một thái độ để vẫn giữ được quyền lợi cá nhân, gia đình. Trường hợp tôi có thể nói là đặc biệt (exceptionnel). Trong mười mấy người bị trục xuất, có những người không tiếp tục hoạt động, không tham gia Đảng Cộng sản Đông Dương tuy không chống lại cách mạng, hoặc đã có tham gia Đảng Cộng sản Pháp nhưng về Việt Nam không tham gia Đảng Cộng sản nữa mà tiếp tục đi học ở Hà Nội, sẽ là cử nhân, luật sư, hoặc đã có bằng cử nhân rồi thì về lập trường tư cho đến già, sống sung túc, không bị tù tội...

Còn Trần Văn Giàu thì khác; bên Pháp thì không nằm im trước biến cố lớn của lịch sử, cái thiện cái ác (le bien le mal) phải giải quyết rõ ràng. Biểu tình ủng hộ Yên Bái cho dù có phải bị trục xuất là phải hay không phải? Nên hay không nên? Đây có thể coi là thử thách đầu tiên: thà đi biểu tình để chịu trục xuất chứ không thể ngồi yên xem nhân dân Pháp ủng hộ Yên Bái của mình. Như đã nói ở trên, có thể coi đây là bước ngoặt thứ nhất của tôi.

Còn bước ngoặt thứ hai? Ra đi kỳ vọng như thế, trở về trơ trụi như thế, thế thường cũng có tự ti,

xấu hổ. Nhưng trong suy nghĩ của tôi bấy giờ là: nếu mình không làm được một "sự nghiệp" trong nghề công khai như viết báo, trạng sư thì có thể chuyển sang nghề khác mà có thể đạt mục đích. Tôi và một số anh em đi thẳng vào con đường hoạt động bí mật, nghĩa là chuyển hẳn sang cái... có thể gọi là "đổi đời", mà cái đổi đời này là đi vào chỗ nguy hiểm, không có gì êm ả. Hoạt động nghĩa là tù, nghĩa là chết. Còn việc làm thầy giáo trung học thì rất yên lành (chú biết không? mỗi giờ dạy của tôi họ trả 3 đồng bạc đấy, bấy giờ bằng 3 giạ lúa - một thùng có 23kg - nghĩa là cũng sống được). Nhưng mình không muốn sống cái lối sống đó, lại chọn một lối sống khác: bí mật, chịu hứng tất cả những gì khốn khổ có thể xảy ra, nhưng nó lại hợp với lý tưởng của mình, với tính khí của những người thanh niên Việt Nam lúc bấy giờ. Ý tưởng, tâm lý chỉ thế thôi!

[Hôm sau, em muốn xin Thầy nói thêm về công việc nghiên cứu, những gì xoay quanh những công trình của Thầy].

* * *

Tôi đi học hai năm ở Moscou, trường Đại học Đông Phương. Nói cho đúng, nhờ học Đại học Đông Phương mà tôi có vốn nội dung để làm thầy giáo sau này. Năm 1933, tôi bí mật trở về nước. Thời gian này (1933 - 1945), tôi làm công việc hoạt động tổ chức lãnh đạo đấu tranh, mà việc rất lớn vẫn là đào tạo cán bộ, cả đào tạo trong tù và đào tạo ở ngoài. Dạy trong tù bấy giờ gọi là "thầy giáo đỏ".

Hồi này, có những thời gian ở ngoài, tôi vẫn mở những lớp học, sẽ nói sau. Đây là đang nói mở nhiều lớp trong tù, và đây cũng là một đặc sắc trong nghề giáo của tôi. Tôi làm "thầy giáo đỏ" có chương trình, có nội dung và đào tạo được nhiều cán bộ. Tổng cộng có 4 lần tôi làm "thầy giáo đỏ" ở trong tù: lần 1 đầu 1933 - 1934; lần 2 ở Côn Lôn; lần 3 trở về Khám Lớn; lần 4 ở trại giam Tà Lài.

Đặc sắc trong nghề làm thầy giáo của tôi là: tôi là anh chiến sĩ huấn luyện viên, nhờ có vài kiến thức cơ bản để giáo dục anh em.

Hồi ở Moscou, thầy lên lớp dạy có bài vở, có dàn bài (plan). Dàn bài thì trường đưa ra, có nhiều bộ phận. Ví dụ: học chủ nghĩa Marx-Lénine 7 bài, mỗi bài có 5 - 6 vấn đề. Giáo viên ở đây có cách dạy rất đặc biệt: cho dàn bài, chia mấy phần, mỗi phần

phải đọc cái gì từ trang mấy đến trang mấy. Ông giảng yêu cầu của bài, mình về phải đọc những bài ông cho, nghĩa là ông chưa giảng bài, chỉ nêu yêu cầu thôi. Ví dụ: vấn đề nông dân, ông cho 1, 2, 3, 4 vấn đề (nông dân là gì, phân hóa thế nào, địa chủ...). Mình về đọc bốn tác giả Marx, Engels, Lénine, Staline và Nghị quyết Quốc tế cộng sản, nghĩa là không phải đọc bài của thầy mà là đọc trực tiếp trong kinh điển.

Sau 2, 3 ngày đọc ở nhà, ông thầy trở lại, vẫn không giảng mà cho học trò tha hồ hỏi. Cách vài ngày, ông thầy lại đến, học trò đã đọc rồi. Ông chỉ định người này, người kia nói vấn đề này, vấn đề kia; ví dụ: cắt nghĩa nông dân v.v... Học trò thảo luận, tranh cãi hết buổi; ông thầy ghi lại, không nói gì vội. Đến buổi thứ ba, ông không bảo học trò nói nữa, mà ông giảng bài, nghĩa là căn cứ sách mình đọc, nhất là căn cứ những thắc mắc sai đúng trong thảo luận kỳ trước. Vừa giảng vừa khen chê các ý kiến học trò đã phát biểu và kết luận bài đó luôn. Tóm lại, bài giảng là cuối cùng, không phải là đầu tiên. Đây là một phương pháp lạ, là một đặc điểm tôi học hồi đó.

Có "huyền thoại" cho rằng tôi học với TITO, THOREZ... Không đúng đâu! Các đồng chí ấy là

lãnh đạo rồi, nên họ đi nghe giảng bài. Các anh ấy học ở trường Lénine, chuyên về lý luận cách mạng vô sản. Tụi tôi học ở trường Staline, chuyên về lý luận cách mạng giải phóng dân tộc. Hai trường này quan hệ mật thiết với nhau. THOREZ thỉnh thoảng đến thăm; biết tôi là cựu đảng viên của Đảng Cộng sản Pháp nên thường hay trao đổi. Chị Jeannette WERMEERSH (vợ của THOREZ), người Pháp flamand (vùng Flandre) bấy giờ là thư ký của văn phòng Quốc tế cộng sản, sau này chị rất nổi tiếng.

Các ông thầy dạy tận tụy, một số từ Pháp sang, có thầy ở Viện hàn lâm khoa học. Họ giỏi lắm, không giỏi không lên lớp cho chúng tôi nổi đâu. Tụi tôi số đông là cậu tú, cậu cử, kỹ sư, thạc sĩ do Đại học Tây Âu đào tạo. Thầy giỏi thì học trò không dở. Nhiều thầy chúng tôi là lãnh tụ các đảng anh em có mặt tại Moscou; họ kinh nghiệm nhiều về tổ chức đấu tranh.

Tôi là một sinh viên ở Pháp về và ở Nam Bộ đến, thích đi nhà hàng, thích uống rượu Tây. Tôi và vài anh em như Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập... dịch mấy bài học (có những đoạn của Marx, Engels, Lénine). Anh Hà Huy Tập dịch từ tiếng Nga, tôi dịch tiếng Pháp ra quốc ngữ. Ví dụ: vấn đề nông

dân có 100 trang, người biết tiếng Pháp thì đọc trực tiếp, không biết thì đọc bản dịch của tôi (quay ronéo, do nhà trường trả thù lao dịch).

Mỗi bài học, tôi đọc cái tối đa và dịch cái tối thiểu nên trong năm học có mấy chục bài, tôi đều thuộc lòng; đọc kinh điển, lại dịch ra, có lớp mục thứ tự..., nên sau này khi vào tù không có gì trong tay cả, thế mà bài giảng của tôi có đầu có đuôi như là trên một lớp học. Sàn xi măng nhà tù làm bảng, mấy cục gạch vụn làm phấn. Tôi giảng hết sức có đầu đuôi, bài 1, bài 2, điểm 1, điểm 2..., cứ y như khi tôi học ở Moscou. Do vậy, tôi "tự phụ" là thầy giáo mác xít giỏi nhất.

Một đặc điểm khác của tôi: trong tù chỉ giảng, không có sách. Nhưng ở Khám Lớn, ở Côn Lôn tôi đều viết lại những bài giảng, mỗi bài là một quyển 20 - 25 trang. Nhờ lươn lẹo với mã tà nên kiếm được bút chì, giấy để viết ra thành sách. Giấy trắng viết bằng nước cơm rồi bôi thuốc rượu i-ốt, thuốc tím (teinture d'iode) lên, cho anh em đọc. Như vậy là anh em trong khám vừa được nghe vừa được đọc. Tôi khoét tường, lấy vài tấm gạch ra, bỏ sách vào đó, lấp trát lại như một cái tủ ngầm. Khám Lớn có mấy cái như vậy, Côn Lôn cũng có mấy cái. Vài người khác cũng viết, như anh Bùi

Công Trừng; nhưng tôi là người viết nhiều nhất vì nhớ nhiều nhất.

Có hai lần ở Khám Lớn, lần viết nhiều nhất là 13 quyển; kỳ sau nữa ở Côn Lôn cũng 7 - 8 quyển. Khi Cách mạng thành công, tôi vào khám thì chúng đã lấy mất. May thay Trần Giang đã giữ được 5 - 7 quyển của tôi (do Tây lấy được). Ngay ở Văn phòng Trung ương Đảng cũng còn 2 quyển của tôi.

Tụi tôi giảng bài, tôi ở tầng trên, các chị em ở tầng dưới. Chúng tôi đánh morse xuống tầng dưới, chị em lại đánh morse sang tầng khác, do vậy, các tầng đều có bài giảng (có hàng mấy trăm tù nhân chính trị). Sau này, mấy lần gặp nhau ở Thành phố Hồ Chí Minh, có anh nói vui: "Hồi bị bắt, tôi có biết gì về chủ nghĩa Marx-Lénine đâu; vô khám Côn Lôn thằng Giàu nó dạy tôi đó". Khám Lớn: 2 - 3 lớp. Côn Lôn: 1 lớp; dạy tất cả tù chính trị, chỉ trừ mấy anh ở Moscou về, họ hỗ trợ thêm cho bài giảng của tôi.

Ở Tà Lài, tù nhân đông quá, nhiều đảng phái, không bí mật được, chỉ giảng công khai, tựa như một cuộc họp của quần chúng. Một thành tựu của bản thân mà tôi khá tự hào là: khi ở tù, tôi đã đào tạo rất nhiều cán bộ. Giữa hai lần tù, khi ở ngoài,

tôi vẫn đào tạo cán bộ, nhưng ở trong tù là nhiều nhất. Tổng cộng ba lần là 7 năm ở tù.

Những đoạn của Marx, Engels, Lénine, Staline tôi nhớ vanh vách, cũng là nhờ cách dạy của ông thầy ở Moscou như đã nói ở trên. Và nói chung các ông thầy ở Moscou đều dạy theo cách đó cả. Ví dụ: các vấn đề về cách mạng vô sản, vấn đề nông dân, vấn đề Đảng, vấn đề công nhân..., các ông thầy phân biệt hai hạng học trò (để cho bài đọc tối đa hay tối thiểu). Tôi dịch từ tiếng Pháp ra tiếng Việt, cứ 1 trang được 2 rúp, đánh máy được 1 rúp, cộng là 3 rúp, ra nhậu thịt cừu nướng và rượu, làm được liên tục hai năm như vậy.

Ngay ở Moscou, tôi đã viết. Ở Tuyên huấn trung ương còn mấy cuốn sách của tôi: "Những nguyên lý tổ chức của Đảng Cộng sản", "Nghệ An đỏ", "Cách mạng tư sản dân quyền". Cả ba cuốn đều in bằng tiếng Việt.

Làm thầy giáo về chính trị thì có cái khó, vì người học là người tứ xứ, trình độ khác nhau, từ anh tú tài đến anh nấu bếp trong tù đều là học trò cả; vì vậy dạy rất khó, "thầy giáo đỏ" phải chia từng trình độ mà dạy. Tôi rút được kinh nghiệm là: giảng làm sao để mọi người ở tất cả các trình độ

đều hiểu được, từ người lao động đến người biết chữ hoặc người có trình độ cao. Nói khác: những vấn đề lý luận, triết học, lịch sử là những vấn đề khó, người giảng phải có cách nói, cách giảng thế nào cho mọi người đều hiểu được. Làm sao cho người có học không chê thấp, mà người có trình độ thấp không chê là quá cao.

Sau này làm nghề giáo chính thức của Nhà nước dân chủ cộng hòa, tôi thấy kinh nghiệm giảng dạy trong tù được vận dụng rất hay. Không có vấn đề nào là khó giảng, dù là triết học, nếu có cách giảng thì người dân thường vẫn có thể hiểu được. Nghĩa là không phải phàm tục hóa những tư tưởng sâu xa, mà vấn đề là cách giảng để người bình dân không những hiểu được, mà còn hiểu sâu sắc. Đó là thu hoạch sâu sắc nhất về giảng dạy của tôi có được ở trong tù Khám Lớn, Côn Lôn hay Tà Lài.

Có lẽ không nên kéo dài thêm chuyện dạy học của tôi ở trong tù, trong trại. Tôi muốn nói đến một lớp học cũng hơi phổ biến nhưng đặc biệt - vì sau nhiều năm giảng dạy trong tù, phần lớn là giảng cho anh em lao động, công nông, thì năm 1944 - 1945, sau khi vượt ngục ở Tà Lài, tôi có mở ở Sài Gòn hai loại lớp khá quan trọng trong thời cuộc Cách mạng tháng Tám.

Đảng Cộng sản nhận định lực lượng chính của cách mạng là giai cấp công nhân. Có lẽ tôi là một trong những anh chú trọng giáo dục đào tạo cán bộ công nhân, ít nhất cũng là ở Sài Gòn. Năm 1944 - 1945, tôi có mở liên tiếp những lớp học của công nhân và cán bộ công đoàn. Do vậy, lực lượng của công nhân, công đoàn ở Sài Gòn đông, gặp thời cuộc chính trị thuận lợi thì phong trào công nhân Sài Gòn lên rất cao; chúng tôi có đủ cán bộ để lãnh đạo phong trào công nhân đó.

Nhưng đồng thời với những lớp học công nhân ở Sài Gòn thời kỳ này, chúng tôi còn chú ý mở những lớp học đàng hoàng cho những sinh viên ở Hà Nội và trí thức ở thành phố Sài Gòn. Chú Quang còn nhớ không, hồi 1942 - 1943 ở Hà Nội có Tổng hội sinh viên, họ muốn làm chính trị, tổ chức những cuộc vận động rất mạnh, tiếp đó là phong trào "xếp bút nghiên" không đi học nữa, trở về Sài Gòn tham gia bạo động hoặc ra chiến khu Việt Bắc hoạt động. Tổng hội sinh viên do Dương Đức Hiền làm Chủ tịch, không có chính trị, dễ bị bọn thân Pháp, thân Nhật lôi kéo...

Nếu lớp công đoàn là "sơ cấp" thì đây là lớp "cao cấp", xem như là lớp học chính trị ở cấp đại học (nếu so với các lớp học trong tù). Cuối năm

1944 đầu năm 1945, từ các lớp học này mà tôi có những kinh nghiệm để sau này làm giáo sư trường đại học có kết quả. Đây vốn là những sinh viên luật khoa, kỹ sư, bác sĩ ở Hà Nội, Sài Gòn. Cứ mỗi tuần lễ tôi giảng một ngày Chủ Nhật. Những người này lại về cơ sở, về lục tỉnh giảng lại cho những bạn của mình. Như vậy, tôi đã làm hai lớp song song: một lớp sơ cấp của công nhân, một lớp cao cấp của trí thức sinh viên, đào tạo được một lớp đông đảo tham gia đắc lực vào Cách mạng tháng Tám.

Giảng cho công nhân thì theo chương trình của Đảng Cộng sản, còn cho trí thức sinh viên thì theo chương trình của Đại học Staline (có kinh tế chính trị học, triết học, lịch sử phát triển cách mạng thế giới), nghĩa là trình độ cao hơn. Có thể nói những bài giảng triết học lúc này cũng giống như những bài giảng cho mấy chú ở Dự bị Đại học Thanh Hóa và Đại học Hà Nội sau 1954. Đối với người trí thức, tôi có một cách để phát huy tư duy phê phán (esprit critique) của họ, cho họ mạnh dạn phát biểu ý kiến về chủ nghĩa Marx-Lénine, chứ không phải theo lối giáo điều (dogmatique), áp đặt.

Tôi có kinh nghiệm: giảng cho họ một phần, dành một phần thời gian để trả lời câu hỏi của họ.

Họ có thể hỏi bất cứ điều gì trong phạm vi bài, và tôi trả lời hết; họ có thể đồng ý hay không đồng ý thì hỏi thêm. Do vậy, lớp học sâu sắc, hay, và những trí thức - dù là con địa chủ, tư sản - đều thấy chủ nghĩa Marx-Lénine là chủ nghĩa hợp lý.

Sau này tôi làm thầy giáo ở Đại học Hà Nội được, một phần là do tôi giảng ở Côn Lôn, một phần là do lớp ở Sài Gòn hồi 1944 - 1945 (có Huỳnh Văn Tiểng, Huỳnh Tấn Phát và nhiều người nữa). Có thể nói chắc: hai loại lớp đó (của cán bộ cao cấp ở tù Côn Lôn hồi 1935 - 1936 và cán bộ học sinh trí thức ở Sài Gòn hồi 1944 - 1945) là hai lớp chuẩn bị cho tôi đi vào làm thầy giáo ở đại học sau này. Sở dĩ tôi dạy ở đại học không dở là nhờ hai loại lớp này (một ở trong tù, một ở ngoài tự do). Cho nên, về sau, ngoài kinh nghiệm thực tế, tôi có kinh nghiệm đi sát với tư tưởng của anh em. Và tôi nhận thấy những vấn đề gì khó khăn nhất, khó hiểu nhất, tôi cũng giải thích được một cách dễ hiểu nhất.

Khi Cách mạng tháng Tám thành công, tôi hoạt động tranh đấu.

Liền sau ngày 6-1-1946, tôi xin Đảng cho phép tôi và vài đồng chí hoạt động trong kiều bào ta ở

Campuchia ("mặt trận Biển Hồ"). Kiều bào ở Thái Lan, Campuchia, Malaysia về tác chiến ở Nam Bộ những năm 1946, 1947, 1948 đều ít nhiều có quan hệ với hoạt động của chúng tôi ở mặt trận này.

Khi tôi rời Sài Gòn đi qua Campuchia vận động, tôi cũng tụ họp một số anh em Campuchia ở trường Sisowath ra chiến khu mở một lớp đại khái như ở Sài Gòn, dạy bằng tiếng Tây. Người Campuchia học giỏi, khá.

Năm 1949, tôi không làm trên chiến trường Campuchia nữa mà về chiến khu Việt Bắc làm Giám đốc Nha Thông tin. Thời gian này, tôi có làm giáo sư triết học cho trường Pháp lý của Đỗ Xuân Sảng. Tuy thời gian không bao lâu nhưng tôi cũng đủ thời gian để giảng xong triết học duy vật lịch sử và duy vật biện chứng. Từ giáo trình (cours) giảng này ở Vĩnh Yên (trường của Đỗ Xuân Sảng) mà tôi viết thành hai cuốn "Duy vật biện chứng" và "Duy vật lịch sử" ở Thanh Hóa.

Chiến sự lan rộng. Năm 1951, tôi được anh Trường Chinh yêu cầu chuyển sang quân đội để làm trong Tổng cục chính trị (địch vận). Tôi trả lời anh Trường Chinh: địch vận rất hay, tôi có hiểu biết tâm lý người Pháp, hiểu biết chút ít về người Ả-rập, Algérie, Tunisie, Maroc..., nhưng tôi nhận

thấy không thích hợp với tôi, vì đó chỉ là công tác cổ động thôi, không có đi sâu nghiên cứu khoa học. Và tôi xin qua bên giáo dục.

Lúc đó mình có trường Khoa học cơ bản bên Quảng Tây; trong nước hoàn toàn không có trường cao đẳng nào. Lúc này bên Bộ Giáo dục (ông Nguyễn Văn Huyên, Nguyễn Khánh Toàn) có ý kiến lập ra trường Dự bị đại học ở vùng giải phóng rộng lớn Thanh Nghệ Tĩnh, lấy Thanh Hóa làm trung tâm, cũng phần nào chuẩn bị thành lập trường đại học sau đó; thêm nữa cũng là để có một chỗ để sử dụng những tài năng của một số trí thức không ra chiến trường được, cũng không tham gia sản xuất được, mà chỉ dạy cấp trung học thì phí. Trường Dự bị đại học đã ra đời như vậy.

Vậy là, mặc dù đã làm thầy giáo từ những năm 30, nhưng chủ yếu là tôi làm chính trị, là dạy ở trong tù và phải đến cuối năm 1951 mới là thực sự làm thầy giáo (enseignant). Có thể coi đây là sự đánh dấu chuyển hướng lần thứ ba của tôi:

- Lần 1: không đi học nữa mà đi làm chính trị, bị bắt, bị tù (vụ Yên Bái ở Paris).

- Lần 2: (cũng là lần căn bản), thôi làm thầy giáo trung học, trở thành người cách mạng chuyên nghiệp.

- Lần 3: từ người làm chính trị chuyển sang làm thầy giáo thực sự, làm giáo sư đại học.

Xưa nay, những người làm chính trị chuyển sang làm nhà giáo thì chưa ai thành công (ở cấp đại học và trên đại học). Đối với tôi, có thể coi đây là một bước nhảy trên không (không phải bước nhảy dưới đất), nghĩa là chưa biết kết quả ra làm sao. Hồi ở trường Staline, tôi ráng sức học tập, cho nên lần chuyển hướng này dù biết là rất khó nhưng tôi tin là có thể làm được (còn chuyển từ làm khoa học sang làm chính trị là chuyện bình thường). Tôi cũng đã dự liệu là bước chuyển này có thể không có kết quả (réussi). Nhưng tôi tự tin mình hồi nhỏ học giỏi, khi vào tù mấy lần lại giảng dạy nhiều. Tôi tin rằng kinh nghiệm có thể giúp tôi chuyển sang làm khoa học, dạy đại học có kết quả, có thể làm được.

Thế là theo chỉ thị của Bộ Giáo dục, tôi vào Thanh Hóa, tập hợp những anh em trí thức hồi 1949 - 1950 (ở không, không biết làm gì), vì lúc này những trí thức này không phải muốn ra làm là được làm (còn phụ thuộc vào vấn đề lý lịch...). Việc đầu tiên coi như thành công là tôi đã tập hợp được một số trí thức hầu như "thất nghiệp" (ông Tố, Nguyễn Thúc Hào, Nguyễn Đức Chính,

Đào Duy Anh v.v...). Có sự ủng hộ của ông Đặng Thai Mai (đang ở Thanh Chương), được khoảng nửa chục anh em như vậy... Dự bị đại học chỉ học 12 tháng rồi lên đại học.

Nhưng chiến tranh kéo dài. Xong Dự bị đại học rồi thì học trò đi đâu? Chưa có trường đại học. Bộ Giáo dục cho chuyển trường Dự bị đại học thành trường Sư phạm cao cấp, đào tạo thầy giáo cho khoa học tự nhiên và khoa học xã hội. Tụi tôi lại xin chuyển thành Đại học sư phạm, dạy cho tới Genève, vừa hết lớp học thì vừa hết chiến tranh.

Tôi nhớ: hồi đó ông Đào Duy Anh muốn lên lớp phải cuốc bộ từ Nông Cống đến Thiệu Hóa (Chợ Đu) mười mấy cây số. Lớp học ban đêm, mỗi học trò một cái ghế nhỏ và một cái đèn dầu phòng máy bay làm bằng lọ Penicillin. Nói chung là tối om: học trò khó trông thấy mặt thầy, mà thầy giảng thì cứ thao thao bất tuyệt. Nhưng những buổi học đó rất thú vị. Phần nhiều học trò là anh em giáo viên có tú tài cũ nên có trình độ. Dù sao, Dự bị đại học cũng là cái mầm của Đại học sau này. Rồi sau trường Khoa học cơ bản ở Quế Lâm về, lập ra trường Sư phạm cao cấp.

* * *

Sau Genève, về Hà Nội lập trường Đại học, tôi làm bí thư Đảng ủy trường, do vậy tôi cũng dạy chính trị. Nhưng ngoài môn Triết học, tôi còn dạy môn Sử. Về cổ sử thì cụ Đào Duy Anh đảm nhiệm, về Sử thế giới có Phạm Huy Thông, Văn thì có Đặng Thai Mai v.v...

Lâu nay tôi chủ yếu dạy triết học và chính trị, nhưng thiếu hai cái cơ bản là Lịch sử Việt Nam hiện đại và Lịch sử thế giới hiện đại, là hai môn chưa có giảng viên (professeur). Lịch sử thế giới cận đại thì dễ; vì đã học ở lớp tú tài, ở Moscou cũng đã học lịch sử cận đại và cách mạng thế giới, chỉ cần lấy sách ra soạn theo tinh thần cách mạng, không có khó khăn. Cách mạng Pháp, cách mạng Nga thì tôi thuộc quá rồi, không có gì phải lo.

Nhưng lo nhất là cách mạng cận đại Việt Nam vì xưa nay chưa có sách nào (Tây không có, ta cũng không có), mà không thể nhờ cụ Đào Duy Anh làm được. Chỉ còn một mình tôi.

Mấy chú không biết được khó khăn của tôi hồi này. Mỗi tuần tôi chỉ giảng có một buổi, vì trong tuần lễ đó tôi phải để ra 5 ngày để nghiên cứu, rồi sang ngày thứ 6 giảng lại cho học trò. Từ chỗ không biết gì đáng kể, không biết gì cho có đầu

có đuôi, tôi phải dành 5 ngày đi thư viện hoặc mượn sách về đọc để chuẩn bị giảng 1 buổi. Mấy cuốn "Chống xâm lăng" của tôi ra đời trong bối cảnh như vậy. Còn lịch sử cách mạng hiện đại thì tôi sống rồi, nên giảng có bề dễ hơn. Có lẽ các chú hồi đó không hiểu điều này: học suốt tuần để giảng một buổi cuối tuần, và tôi đã làm như vậy liên tục suốt một năm.

Tới đây, tôi muốn nói thêm một điều mà tôi cho là việc làm đúng và tốt. Lúc ấy mình dạy, đào tạo hai năm, nhưng đặt vấn đề là mình phải lấy lại một số sinh viên giỏi, có khả năng trở thành thầy giáo để làm trợ lý cho mình và trở thành thầy giáo đại học. Ở đây có vấn đề đấu tranh để giữ lại ai. Bấy giờ, điều người ta chú ý trước tiên là thuộc thành phần nào, rồi mới đến học giỏi hay học dở. Tôi lại là Bí thư Đảng ủy, nếu cứ theo như vậy thì khó có những giảng viên giỏi sau này. Cũng may lúc đó, một số như Phạm Huy Thông, Đào Duy Anh... đồng ý với tôi rằng cái chính là tìm hiểu xem tư tưởng của người được giữ lại có phải là tư tưởng yêu nước không? Và đã phải tranh luận rất khó khăn... Nhưng rồi anh em cũng rất có tình có lý, đã đồng ý, và sau này thấy như vậy là hay.

* * *

Chú à, đời con người ta khó tránh sóng gió, không nhiều thì ít. Có vài vấn đề, tôi tự xét tôi đúng với chủ nghĩa Marx-Lénine, tôi không sai, không có gì người ta có thể "đánh" (phê bình, góp ý) tôi được. Cho nên tôi thấy những sóng gió đối với tôi kỳ thật là chưa thỏa đáng, và cũng chỉ là tạm thời thôi. Sự thật (vérité) cuối cùng cũng sẽ biểu lộ rõ. Tôi tin như thế.

Có thể nói là tôi tin, rất tin vào khả năng, năng lực của tôi, khả năng chịu đựng và khả năng làm thành công việc mình được giao phó, dẫu nó trắc trở như thế nào. Ví như: từ việc thông tin tuyên truyền mà qua làm dự bị đại học, sư phạm cao cấp, đại học là những việc không liên quan gần gũi gì với nhau. Một chuyển hướng như vậy, nếu là người khác thì có thể thất bại. Làm chính trị mà chuyển sang khoa học, có khi vô hình trung tự mình lên án mình. Còn tôi, tôi tin vào ý chí và khả năng của tôi. Tôi giảng bài có bài bản, viết ra hẳn hoi - hay dở, trúng sai là việc khác - như các chú thấy đó.

Thứ ba: tôi tin vào cái sáng suốt của người đời. Do vậy, những sóng gió chỉ là phơn phớt trên mặt thôi. Còn người đời bao giờ cũng đánh giá đúng. Nếu mình đúng thì không ai bảo mình sai, nghĩa là tôi tin vào lòng người, sự phán đoán và tấm lòng của

con người. Nếu bản thân - bằng thực tiễn (pratique) tỏ ra không năng lực, không ý chí (hay nói cho đúng chữ, tuy không nên nói ra: nếu không có tài, không có chí thì sóng gió vùi giập chẳng trách ai được). Phải có chí, có lòng tin, bồi dưỡng mãi năng lực của mình thì người ta sẽ đánh giá mình bằng hoạt động, bằng những công trình, bằng nhân cách của mình. Chú Quang có nghĩ rằng: đời con người ta cũng ví như con thuyền ngoài biển, ráng mà sống như vậy thì có sóng gió chắc cũng khó chìm.

Chú thấy đó, tôi xưa nay cũng có những điều dở, nhưng về phương diện cố gắng làm việc thì tôi làm việc liên tục (d'une facon continue), không gián đoạn: ở tù thì huấn luyện, ở ngoài thì tổ chức đấu tranh; ít nhất người ta cũng thấy điều đó. Về tư cách, nói chung tôi cũng có sai sót nào đó, nhưng tôi cố giữ được tư cách, nhân cách của mình. Ở đời có hai chuyện: sự nghiệp và nhân cách là đáng kể hơn cả. Trong đó, nhân cách có thể ví như là một thứ vàng ròng, mà đã "ròng" thì dù có một phân hay một lượng cũng là vàng ròng. Nói nhiều không ăn thua, làm được nhiều việc mới ăn thua. Còn như, bằng cách nào đó làm cho người khác tuyên dương mình, đó không phải là đất đứng vững được. Mà là làm thế nào qua những cuộc bể dâu, mình tỏ ra xứng đáng với vai trò của mình,

không ai kêu ca lắm; có được như vậy là được rồi.

Có lẽ tôi đã nói một, hai lần với chú rằng: giảng dạy trong tù cũng là giảng dạy. Nhưng cái người ta chú ý có lẽ là người ta xem coi mình làm có đúng cái mình nói, mình dạy hay không? Nếu đúng thì học trò theo, anh em theo, người ta tin tưởng; nếu không đúng thì vị tất đã xứng đáng là thầy giáo. Việc làm lớn nhất của người thầy giáo là làm gương.

Nghề giáo hay ở chỗ truyền lại cho mọi người những cái gì hay mà mình học được trong sách vở thánh hiền, những nhà lỗi lạc xưa nay. Mình làm cho con người yêu mến con người hơn. Vả chăng, khi mình giảng dạy cho người khác cũng là một cách mình làm thầy giáo cho chính mình, lợi cho thiên hạ mà trực tiếp là lợi cho mình. Hàng ngày mình nghĩ và nói như thế, dù nhiều dù ít tự nhiên mình cũng phải làm như thế. Nói với người ta mãi như vậy thì rồi rút cục mình cũng sống như vậy; nếu không thì hóa ra mình là người giả dối. Dù có lặp lại những tư tưởng hay của người khác mà bản thân mình không thực hiện hay hướng theo đó thì không thể là người thầy giáo thực sự được.

Tôi làm nghề giáo, bắt đầu việc giảng chính trị, giảng về cách mạng, cũng tức là giảng về những điều quý nhất của con người ta, nhất là dưới chế

độ thuộc địa. Mình thấy làm việc này là kế tục sự nghiệp ông cha, có thể nói là mình góp phần làm cho dân tộc tiến bộ lên, xứng đáng với lịch sử hơn, bản thân mình xứng đáng với đồng bào mình hơn.

Cái hay nhất của nghề giáo là lựa chọn - dạy là chọn (enseigner, c'est choisir) - lượm lặt những cái gì hay nhất về tinh thần để nói cho người khác. Thầy giáo có thể coi như một quyển sách, nhưng là quyển sách biết gạt bỏ những cái gì xấu, dở, dối trá để giữ lại cái gì đúng, hay, sự thật.

Thầy giáo tựa như một cuốn cuốn lịch toàn thư (almanach) cổ kim đông tây. Nếu người Công giáo luôn có cuốn Kinh Thánh (Évangile) bỏ trong túi, thì thầy giáo tuy không có sách trong mình, nhưng trong mình lại đầy những cái hay ở đời, tóm lược (résumer) lại, rồi hàng ngày lặp đi lặp lại, tựa như khắc ghi lên đá, càng ngày càng sâu thêm, xét cho cùng là chính nó làm ra mình, tạo ra nhân cách của mình.

Ưu điểm của thầy giáo là đã dạy người ta thì không thể dạy điều dở mà phải dạy điều hay, điều ngay thẳng; nên bản thân thầy giáo, dù muốn dù không, phải là một cái "túi khôn" thì mới truyền được cái khôn cho người, mà trước hết lại là có lợi cho bản thân thầy giáo, cho bản thân mình. Thầy

giáo không phải là người giữ vàng cất trong kho, mà là đem vàng gieo ra cho mọi người, càng rộng càng hay. Với ý nghĩa đó, thầy giáo là người hào hiệp (généreux) về tư tưởng và hành vi tốt. Cho nên ngày xưa người ta trọng ông thầy nhiều khi hơn cả cha mình, đó là điều có lý. Sau này người ta học nhiều thầy quá, mà ông thầy gắn bó với học trò không bao nhiêu, do vậy ảnh hưởng của ông thầy đối với học trò không được như xưa. Dù sao, ông thầy vẫn là người tập hợp những điều hay trong cuộc đời, mà điều đáng quý nhất trong cuộc đời chính là những điều hay.

Bây giờ tôi nói về nghề dạy sử của tôi. Đây cũng là do tình cờ (par hasard) thôi; vả chăng làm chính trị cũng chính là làm sử. Tôi nghĩ: ở trên đời không có sách nào, đạo lý nào có tác dụng xây dựng con người bằng sử hết. Sử là cách xây dựng hơn hết. Triết lý có thể xây dựng con người, nhưng nói chung là trừu tượng. Kinh kệ có nhiều cái hay, nhưng lại là việc xa vời, mông lung. Tôi thấy duy có môn sử là môn gắn liền với con người hơn hết, trong đó chính tà, phải quấy, tốt xấu..., các loại người được ghi lại, dựng lên một cách điển hình. Cho nên sử là sự biểu hiện để mình lựa chọn những điều hay dở, tốt xấu, nên chăng...

Theo tôi, giáo dục tư tưởng cho nhân dân ở bất kỳ thời nào, nhất là hiện nay, thì học lịch sử nói chung, lịch sử cách mạng và kháng chiến nói riêng là cách giáo dục tư tưởng sâu xa nhất, cụ thể nhất. Không có quyển Đạo đức (Morale) nào hơn lịch sử, trước hết là lịch sử cách mạng và kháng chiến của mình. Các thứ tốt xấu, mưu trí cao, mưu trí hẹp, mưu trí thiện, mưu trí ác... đều hiển hiện trong lịch sử cả. Cho nên cái nghề sử - không phải mình làm nghề đó mà khen nó - là môn giáo dục uốn nắn, làm tốt cho con người ta hơn bất kỳ môn học nào. Đương nhiên còn tùy cách người ta viết sử, dạy sử như thế nào, nhưng sử là môn khoa học mà tính giáo dục, tính "trồng người" chắc chắn, sâu sắc nhất, mà lại không chán, rất biến hóa (varié).

Con người vốn rất khác biệt. Con người trong lịch sử lại càng rất khác nhau. Mà học tập qua lịch sử lại dễ dàng, dễ nhớ. Có thể qua lịch sử mà học được biết bao nhiêu chuyện: người làm quan, người làm dân, người làm chính trị đều học được trong lịch sử cả. Có thể giỏi về sử mà không phải thánh hiền, nhưng không có thánh hiền nào dốt về sử. Học sử có tầm quan trọng như thế cho nên người viết sử, dạy sử phải ý thức về trách nhiệm của mình vì sự thật lịch sử và sự thật viết trong sử nhiều khi không giống nhau. Cho nên nhiệm vụ những thầy

giáo sử là không chỉ đề cao mà có lẽ trước hết là phê phán. Nhiệm vụ thầy giáo nói chung và thầy giáo sử nói riêng là làm cho cuộc sống mỗi người - tuy cũng đều chỉ sống bấy nhiêu thôi - nhưng sống cuộc sống đông đặc hơn người không biết sử. Cũng là bấy nhiêu của cải (một đời người), nhưng người biết sử là người giàu có hơn. Người am hiểu lịch sử, với ý nghĩa đó, là người "đầy đủ" hơn.

* * *

Tôi vốn là một người học trò siêng năng và giỏi thôi, chứ không có ý nghĩ là mình làm một nhà nghiên cứu; không bao giờ có ý nghĩ đó. Chỉ có ý nghĩ làm một nhà viết báo giỏi như ông Nguyễn An Ninh, làm một nhà diễn thuyết giỏi như ông MONIN thôi.

Nhưng đi vào Trường Đại học Phương Đông, đi làm cách mạng thì nó đụng phải ngay một vấn đề là bây giờ mình đã dày công học chủ nghĩa Marx và kinh nghiệm lịch sử thế giới rồi, đặc biệt là kinh nghiệm của cách mạng cận đại, hiện đại thế giới, thì còn một vấn đề là mình phải biết xứ mình thì mới làm cách mạng được.

Cho nên, trong khi học (hôm trước, tôi đã kể với chú cách học của tôi rồi, nay tôi nói thêm),

tôi đứng trước một tình hình khác với một số anh em: tôi phải làm một cái luận án tốt nghiệp của Trường Đại học Phương Đông. Không phải ai cũng làm, ai muốn làm thì làm, ai không làm thì thôi. Muốn làm thì người ta chấm, không muốn làm thì hết kỳ học cũng phải về hoạt động; hoạt động hay không hoạt động thì hết khóa cũng về thôi. Nhưng tôi thì tôi làm luận án. Trong thời gian học tập, tôi sưu tầm tài liệu để giải quyết và trình bày một vấn đề rất lớn của cách mạng Đông Dương, tức là vấn đề nông dân và điền địa (La question agraire en Indochine). Đó là đề tài (sujet) luận án của tôi, cũng là luận án tốt nghiệp.

Tôi làm bằng tiếng Pháp, bởi vì ở bên đó, nếu làm bằng tiếng Việt thì cũng phải đọc bằng tiếng Pháp. Nói riêng với chú chơi thôi: người ở Văn phòng Quốc tế Cộng sản đánh máy luận án của tôi là chị WERMEERSH, vợ của THOREZ. Bà ấy chê: mày có nhiều ý hay nhưng viết văn dở quá. Thật ra văn Pháp để làm chính trị thôi, hay sao được. Tôi nghĩ kỳ này mấy chú đi qua bên Moscou mà tìm lại bản đánh máy của tôi thì cũng hay. Có thể xem đó là tác phẩm khoa học đầu tiên của tôi, không bao nhiêu trang đâu, tôi nhớ đâu non 200 trang đánh máy.

Bấy giờ nghiên cứu về cách mạng Việt Nam, tôi có đề tài thứ hai, lấy tên là *Nghệ An đỏ*, kể lịch sử và rút kinh nghiệm mấy bài học của khởi nghĩa Xô-viết Nghệ An. Cũng có thể coi đây là công trình nghiên cứu khoa học thứ hai của tôi. Có thể coi là loại "bắt đầu" nghiên cứu khoa học. Cũng ở Moscou, tôi còn viết quyển thứ ba, không phải nghiên cứu cách mạng Việt Nam, mà rút từ trong lý luận và hoạt động của Lénine, của Đảng Cộng sản Liên Xô mà trình bày những cách tổ chức, hoạt động của một Đảng Cộng sản là như thế nào. Nói cho đúng ra, quyển này không phải là sáng tạo gì hết mà là lấy trong hai, ba quyển của người cộng sản Nga, những người lãnh đạo Nga, lãnh đạo Quốc tế Cộng sản mà viết ra, xem như là trình bày lại ý kiến của người ta thôi. Quyển này tên là *Les principes d'organisation du Bolchévisme* (Những nguyên lý tổ chức của chủ nghĩa bôn-sê-vích). Cuốn này và *Nghệ An đỏ* có viết bằng chữ quốc ngữ, còn *La question agraire*... (*Vấn đề điền địa*...) thì bằng tiếng Pháp. Các sách này bây giờ còn ở trong Tư liệu Trung ương Đảng, tôi đã thấy rồi; hồi đó tôi ký tên là HỒ NAM. Có thể coi đó là những bước chập chững đầu tiên của tôi, giải quyết những vấn đề cũng khá khó khăn, nhưng đại khái theo trình độ lúc bấy giờ thì anh em cho là được.

Bước đầu nghiên cứu khoa học của tôi là ở chỗ đó. Cho nên về sau này vừa học vừa nghiên cứu, vừa hoạt động vừa viết sách, vừa học vừa viết, vừa dạy vừa viết, vừa hoạt động cụ thể vừa nghiên cứu khoa học; những thứ đó cứ như đi đôi trong đời của tôi, hình thành từ những năm 1930 cho đến Cách mạng thành công. Bây giờ ngó lại thì đó là một đặc sắc trong đời hoạt động chính trị mấy mươi năm của tôi, cho tới hôm nay vẫn còn như thế, chú thấy được không? Nhớ hồi làm việc ở Viện Sử học do anh Trần Huy Liệu làm Viện trưởng, tôi thường nói vui với anh em: cái nghiệp của người nghiên cứu chân chính như con trâu kéo cày, kéo cho đến khi sức tàn lực kiệt mới chịu gục ngã trên luống cày. Nhưng khỏi lo ruộng cày dở dang, con cháu nó sẽ kéo cày tiếp, kéo hay hơn là cái chắc. Chú ngạc nhiên há? *(Dạ không ạ!)* Còn chú thì..., sức mấy mà kéo cày hơn tôi được! *(Thầy cười vui, còn tôi im re).*

Từ khi tôi về nước, từ năm 1933 đến năm 1945, tôi không nhớ là được bao nhiêu sách, mà thường là sách nhỏ, sách bỏ túi (độ chừng 50 cuốn), chứ không phải là sách nghiên cứu, nói cho đúng ra thì không có điều kiện để mà nghiên cứu. Bây giờ trong lưu trữ của Tây cũng còn một số quyển, trong lưu trữ của ta thì còn ít hơn. Một số sách này cũng

có thể gọi là nghiên cứu, nhưng đang cạn thôi. Gọi là nghiên cứu, vì trước đó không có sách nào nói cả. Sách của Marx, Lénine là nói chung chung chứ không nói tới cách mạng Đông Dương. Viết một quyển về cách mạng Đông Dương cũng là nghiên cứu, nhưng chỉ sơ sài thôi.

Đi đâu, ở đâu tôi cũng viết, ở khám nào tôi cũng viết, thậm chí khi đi ra ngoại quốc như lúc ở Thái Lan, ở Campuchia, tôi cũng có một số sách, có lẽ bên mình cũng có mang về mà bên Thái Lan cũng có thể còn. Tôi còn viết một quyển gọi là "Lịch sử Việt Nam", văn xuôi, viết theo dạng thuộc lòng chứ không phải nghiên cứu khoa học, lấy lịch sử Việt Nam để tuyên truyền cho cách mạng, độ 50 trang.

Lại còn một số đề tài nữa, không thuộc loại nghiên cứu, như vấn đề "Dân tộc thiểu số ở Đông Dương". Cuốn "Việt Nam trên đường cách mạng" ký tên Xuyên Vân Nhạn (nghĩa là con nhạn bay trong mây). Quyển sách này viết trong thời kỳ Nhật Bổn và Đức đương thắng (ở Thái Bình Dương, ở Nga), nội dung có ý chứng minh rằng phe phát xít sẽ thất bại và Nhật Bổn sẽ suy yếu, chúng sẽ thua và cách mạng Việt Nam sẽ thành công. Mục đích cuốn sách cốt làm sao để người ta ngó thấy

đi với Nhật Bổn là một nguy cơ, còn hơn là với Pháp nữa, vì Nhật Bổn không những là đế quốc mà còn đông dân nữa; Nhật ở chỗ sớm đi tới về gần mình, nó mà lấy được mình thì khó bề mà giải phóng; có đi thì đi theo đồng minh, vì đồng minh nhất định thắng. Đó là thời trước Cách mạng tháng Tám.

Cái ý nó như vậy thôi. Nhưng vì sách lược ngoài đó có hơi khác, trong ngoài không có liên lạc với nhau; vì vậy mà có bài công kích Xuyên Vân Nhạn.

* * *

Bây giờ nói tới thời kỳ sau Cách mạng tháng Tám. Những quyển như "Duy vật luận" chẳng hạn, hay cuốn "Biện chứng pháp" là kết quả hồi tôi giảng ở trường Pháp lý Vĩnh Yên. Các cuốn này về sau cũng có in.

Khi đất nước tự do độc lập rồi thì tôi quan tâm đến lịch sử giai cấp công nhân. Tôi làm công việc tuyên truyền giáo dục thì vấn đề rắc rối nhất khi tuyên truyền trong giới trí thức là vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân. Chính vì để giải quyết cái khó khăn đó cho nên tôi mới làm ra cái quyển "Giai cấp công nhân Việt Nam: sự hình thành và

phát triển của nó từ giai cấp 'tự mình' đến giai cấp 'cho mình'". Có thể xem đây là cuốn sách nghiên cứu khoa học đầu tiên của tôi. Những sách trước kia "Duy vật luận", "Biện chứng pháp"... chỉ là kể lại cái mình đã học thôi, không có gì là nghiên cứu. Bộ "Lịch sử giai cấp công nhân Việt Nam" này mới thực sự là nghiên cứu. Nếu trước kia tôi thường chỉ viết những dạng sách bỏ túi (livres de poche), thì bây giờ tôi lại sa vào cái nạn là viết dài quá, cả ngàn mấy trang, không biết có ai đọc không.

Dù sao đi nữa, đó là thời kỳ sau Cách mạng tháng Tám; kết quả nghiên cứu đi sâu như vậy giúp tôi làm một giáo sư về Lịch sử Việt Nam và Lịch sử Việt Nam hiện đại. Có lẽ bộ "Lịch sử giai cấp công nhân Việt Nam" này đủ tiêu biểu cho sự cố gắng của tôi trong việc nghiên cứu khoa học.

Sau này, trong lúc làm giáo sư ở đại học, tôi thấy rằng: để giảng dạy lịch sử cách mạng Việt Nam cho sâu sắc thì không thể nào không nghĩ đến lịch sử tư tưởng, không nghiên cứu lịch sử tư tưởng.

Ở các lớp huấn luyện, nhất là các lớp cho trí thức, thường người ta đặt câu hỏi: làm sao ở nước Việt Nam, giai cấp công nhân nhỏ hẹp như thế mà lại lãnh đạo được cách mạng, lại là điều kiện để

cho cách mạng thành công. Đứng trước yêu cầu phải giải đáp một vấn đề lớn của lịch sử như vậy phải giải đáp sâu chừng nào tốt chừng nấy. Đó là lý do tôi có quyển "Lịch sử giai cấp công nhân Việt Nam". Nhưng có thể nói quyển sách tôi để nhiều công là bộ sách "Sự phát triển của tư tưởng ở Việt nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng tháng Tám".

Vấn đề đặt ra là: tại làm sao ông cha ta, những nhà chí sĩ cần vương anh hùng như thế mà đánh Pháp không thành công? Vì sao họ là những người có học thức, có uy tín lớn lao như là các cụ Phan mà lại làm không thành công? Những người có can đảm phi thường như là Nguyễn Thái Học, Ký Con... vì sao làm cách mạng không thành công, mà Đảng Cộng sản lãnh đạo cách mạng lại thành công? Có phải là một sự may mắn không? Có phải là tình cờ không? Hay là do một điều kiện nào mà mình làm được trong lúc người ta làm không được? Có phải tự nhiên trong tình thế thuận lợi, trái cây nó chín rồi, anh cộng sản giở cái nón ra mà hứng nó một cách dễ dàng không?

Phải giải quyết những vấn đề đó để cho người ta tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Mà nói sự lãnh đạo đó bằng một khẳng định (affirmation) chung chung thì rõ ràng là không đủ cho người ta tin tưởng. Phải có sự nghiên cứu.

Nếu đứng về một phương diện nào đó, viết một bộ sách về Lịch sử tư tưởng Việt Nam thì ít nhất phải từ thế kỷ XIX đến thế kỷ XX; viết vậy đương nhiên phải bỏ qua nhiều vấn đề lắm. Nhưng cái chính ở đây là chứng minh làm sao mà tư tưởng phong kiến và tư tưởng tư sản không làm cách mạng được mà tư tưởng Marx-Lénine lại làm được. Cho nên tôi mới viết một quyển sách về Lịch sử tư tưởng Việt Nam với 3 phần:

- Ý thức hệ phong kiến và sự thất bại của nó.

- Ý thức hệ tư sản và sự bất lực của nó.

- Sự thắng lợi của chủ nghĩa Marx-Lénine, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Có thể xem bộ sách "Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng tháng Tám" này là một trong vài ba công trình nghiên cứu tốn công nhất và có nhiều hoài vọng nhất trong đời tôi. Nói chung, các cuốn sách đó đều được viết ở trong thời kỳ trước 1975. Cũng thuộc vấn đề lịch sử tư tưởng, tôi còn có một quyển sách, nó là kết tinh của sự suy nghĩ cá nhân, không biết sâu cạn thế nào, nhưng tôi cho rằng đó là kết tinh của sự suy nghĩ lâu dài trong đời chiến đấu của tôi.

Cuốn sách nhỏ thôi, nhưng tôi xem là một trong những cuốn sách ruột của tôi; tên sách là "Giá trị

tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam". Tôi chỉ tiếc rằng quyển sách đó tuy đã in hai lần nhưng nó không được dư luận bàn tán lắm. Nếu mà được dư luận bàn tán thì có lẽ sẽ giúp ích hơn cho tôi và tôi sẽ thích hơn.

Mình mở ngoặc đơn (entre parenthèses) để nói với chú nghe chơi nhá: có lẽ đến tôi thì vấn đề "tư tưởng chủ yếu của người Việt Nam là gì" mới có giải đáp rõ ràng, dứt khoát. Đó là tư tưởng yêu nước. Dứt khoát là như vậy. Chú Quang xem có thể đọc bất cứ ở đâu câu trả lời như thế trước cuộc hội nghị họp ở Thư viện Khoa học ở đường Tràng Tiền cuối năm 1959 hay đầu năm 1960 (tôi không nhớ nữa) hay không?!.

Không phải là tư tưởng "nhân nghĩa" như nhiều người nghĩ. Lúc đó Viện Sử học cũng đề ra là tư tưởng "nhân nghĩa". Nếu là tư tưởng "nhân nghĩa" là mình lọt vào tư tưởng của ông Tàu rồi! Nếu lọt vào mà hay thì cũng không hại gì. Nhưng mà có phải như thế không? Cho nên tôi nói rằng cuốn sách đó của tôi có thể có thiếu sót, nhưng đặt vấn đề và giải đáp vấn đề thì tôi đã để nhiều tâm hồn tôi trong đó hơn tất cả những cuốn sách lớn nào của tôi.

* * *

Hai trang bản thảo của GS. Trần Văn Giàu.

Tôi chắc chú Quang sẽ không được vừa lòng lắm với câu hỏi mà chú đặt ra cho tôi: tôi có được gặp Cụ Hồ không?, tôi biết đến cái tên "Nguyễn Ái Quốc" từ bao giờ? Chuyện dài dài..., chú muốn nghe thì tôi nhắc lại vậy.

Nhận xét chung của tôi là trong thời kỳ trước Cách mạng tháng Tám, tôi không có duyên lắm với đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Thực ra thì tôi biết đồng chí Nguyễn Ái Quốc từ lâu rồi, như mọi người thôi. Tôi nhớ hồi đầu năm 1927, tôi đã đọc một bài trong "Bản án chế độ thực dân Pháp" rồi, nhưng Nguyễn Ái Quốc thì tôi không được biết, và tôi cũng không hiểu thâm ý của Nguyễn Ái Quốc là gì, công việc liên hệ giữa Nguyễn Ái Quốc và Nguyễn An Ninh ra sao, Nguyễn Ái Quốc khác với Phan Bội Châu như thế nào. Tôi chỉ biết đó là những người yêu nước mà thôi.

Nhà bên vợ tôi có được cái hân hạnh tiếp đãi cụ Nguyễn Sinh Sắc từ năm 1926 - 1927, khi cụ rời Sài Gòn đi lục tỉnh kiếm sống trong cái nghề làm thuốc, nhưng tôi vẫn không biết Nguyễn Ái Quốc là ai, chỉ biết là một người yêu nước chống Tây thôi. Mãi đến khi qua Pháp năm 1928 tôi mới đọc hết quyển sách "Bản án chế độ thực dân Pháp".

Ngược đời là: vì tôi cảm tình với Đảng Cộng sản Pháp nên tôi mới tìm hiểu và hiểu được "Bản án chế độ thực dân Pháp". Theo cái lý, thì mình là người Việt Nam thì mình phải hiểu "Bản án chế độ thực dân Pháp" và Nguyễn Ái Quốc, mình mới đi tới chủ nghĩa Marx-Lénine, mới đi tới Đảng Cộng sản Pháp. Nhưng trái lại, tôi thì đi vào Đảng Cộng sản Pháp, đọc sách báo cộng sản, và do nơi đó mà tôi đọc "Bản án chế độ thực dân Pháp" và hiểu được sách này... Có lẽ đây là điều không có lợi cho tôi lắm, là vì lúc bấy giờ bên Pháp, Đảng Cộng sản theo đường lối Quốc tế cộng sản, một đường lối cứng rắn, không chỉ cứng rắn đối với đế quốc mà cứng rắn ngay cả với những lực lượng có thể đồng minh với Đảng Cộng sản, như đảng xã hội chẳng hạn. Vì vậy, bấy giờ những người cộng sản Việt Nam chưa hiểu Nguyễn Ái Quốc lắm.

Đường lối của Nguyễn Ái Quốc là đường lối liên hiệp các lực lượng dân tộc đặng mà chống đế quốc chủ nghĩa, nhưng mà ở Việt Nam thì theo đường lối của Quốc tế cộng sản, chỉ liên hiệp có điều kiện với quốc gia cách mạng mà thôi. Cho nên bấy giờ chúng tôi ở Pháp vừa ủng hộ Yên Bái, vừa chống lại chủ nghĩa quốc gia của những người khởi nghĩa Yên Bái, chúng tôi gọi là quốc

gia hẹp hòi; nghĩa là không đúng tinh thần của quyển "Bản án chế độ thực dân Pháp".

Khi học ở Moscou, tôi vẫn theo đường lối của Quốc tế cộng sản, lúc bấy giờ là đường lối cứng rắn tả, cho nên tôi cũng như các đồng chí khác, đều không hiểu Nguyễn Ái Quốc, kể cả những người phụ trách Đông Phương của Quốc tế cộng sản lúc bấy giờ.

Ngay cả những nhà lý luận cao ở Moscou cũng không hiểu, cho nên không phải riêng Hà Huy Tập sai trong việc phê bình Nguyễn Ái Quốc. Hà Huy Tập phê bình là theo đường lối của Quốc tế cộng sản, nghĩa là không phải chỉ là lỗi của Hà Huy Tập. Vì thế bây giờ tôi rất ngượng khi nghe người ta phê bình Hà Huy Tập. Phê bình Hà Huy Tập lúc ấy cũng là phê bình tôi thôi.

Có thể phải nói rằng: nhờ Đại hội lần thứ 5 của Quốc tế cộng sản (lần VII) với sự xuất hiện của DIMITROV - trải qua sự thất bại ở xứ này xứ nọ, nhất là nước Đức, trong cuộc chống phát xít - mà trong trào lưu chống phát xít có sự liên hiệp với các đảng dân chủ... Lúc ấy, người ta mới hiểu rằng những người cộng sản đúng với chủ nghĩa Marx, nhất là những người cộng sản biết sử dụng

truyền thống của mỗi dân tộc để chống lại bọn phản động. Đó mới là cái chống hay nhất. Nếu cộng sản mà làm ra vẻ cách mạng triệt để nhất, không nghĩ rằng mình là tiếp tục truyền thống của ông cha, của dân tộc, thì những người cộng sản đó bị cắt đứt với quảng đại quần chúng.

Nhưng theo tôi thì cái chuyển hướng ấy đã có từ hồi Nguyễn Ái Quốc xuất hiện trên trường quốc tế năm 1922 - 1923, khi Nguyễn Ái Quốc ở Pháp và khi Nguyễn Ái Quốc viết ở trong tạp chí *INPRÉCOR* (Thư tín Quốc tế) rồi.

Tôi nhận được cái tư tưởng đó của Nguyễn Ái Quốc không phải bằng cách tiếp xúc trực tiếp, bởi vì năm 1933 khi Nguyễn Ái Quốc ở tù Hồng Kông ra rồi sang Liên Xô, thì tôi đã về Việt Nam và ở tù Khám Lớn và Côn Lôn rồi; nghĩa là không có duyên được gặp Nguyễn Ái Quốc. Cho nên phải nói rằng tôi chịu ảnh hưởng ở Nguyễn Ái Quốc thì kể ra cũng ít chứ không nhiều, vì không được tiếp xúc trực tiếp, chỉ nghe người ta nói lại thôi.

Khi Cụ Hồ đi về Trung Hoa cuối thời Mặt trận bình dân của ta, thì khi ấy tôi đang ở trong Khám Lớn, tôi có được đọc một bài báo nói về đường lối của một đồng chí gọi là Line ở bên Trung Quốc

phê bình Đảng cộng sản Đông Dương làm "Mặt trận dân chủ" là có xu hướng "hữu", phải làm "Mặt trận dân tộc dân chủ" mới được.

Tôi ở trong Khám Lớn, vốn là một người khuynh tả, nên tôi rất tán thành ý kiến của LINE (sau này mới biết LINE là Nguyễn Ái Quốc). Tôi không phản đối Mặt trận bình dân, nhưng tôi không tán thành "Mặt trận dân chủ" mà tán thành "Mặt trận dân tộc dân chủ" như LINE chủ trương.

Mãi cho đến năm 1945, tôi vẫn chưa biết gì về Nguyễn Ái Quốc cả. Thậm chí chủ trương lớn: lập Mặt trận Việt Minh, đánh Pháp đuổi Nhật, thì trong này chúng tôi cũng chưa biết Nguyễn Ái Quốc đã về nước rồi.

Tháng 7-1945, chúng tôi phái một người đi ra bắt liên lạc ngoài Bắc, đem chương trình Việt Minh về; chừng đó tôi mới biết đến Việt Minh. Và mãi sau khi anh đó đi về, được giấy mời Hội nghị Tân Trào, thì các anh Ung Văn Khiêm và Hà Huy Giáp đại diện chúng tôi trong này đi ra Bắc. Chiều mồng 2 tháng 9 năm 1945, anh Ung Văn Khiêm ở ngoài Bắc về gặp tôi, tôi hỏi: "Thế nào? Hồ Chí Minh là ai, mày? Phải Nguyễn Ái Quốc không? Khiêm cười, nói: "Ổng!". Tôi mới mừng là Nguyễn Ái Quốc còn sống và đang lãnh đạo cách

mạng; chứ trước kia tôi nghĩ chắc ông cụ không còn nữa hoặc đang ở đâu đó không biết, chưa về Việt Nam...

Cuối năm 1945, tôi ở chiến trường Sài Gòn mới ra thủ đô. Báo cáo xong, tôi được Cụ Hồ bảo cùng ăn cơm trưa với chi bộ Phủ Chủ tịch. Đạm bạc quá! Cơm đủ hai bát lưng, cà pháo thì đủ, cá thì chỉ vài khứa mỏng, canh trong vắt. Hôm sau tới bữa ăn, tôi ra nhà ông bạn học (Đỗ Đình Thiện, nhà giàu ở phố Hàng Gai). Tới giờ ăn, Cụ hỏi ông Huỳnh: "Chú Giàu đâu?". Ông ta đáp: "Thưa Bác, nó ra thăm nhà Đỗ Đình Thiện ạ!". Hôm sau lại được ngồi ăn với Cụ Hồ, Cụ hỏi: "Ở Phủ Chủ tịch, chú chê cà muối hả? Lúc này đồng bào đang đói, chú không chia cái khổ với đồng bào được à?". Nghe Cụ nói, tôi hơi xấu hổ một chút.

Năm 1948, tôi đang hoạt động ở Campuchia thì được Trung ương gọi về (sau khi chính phủ tả ở Bangkok bị đảo chính và chính phủ thân Mỹ lên cầm quyền) và được chỉ định làm Tổng Giám đốc Nha Thông tin (thuộc Bộ Nội vụ do Phan Kế Toại làm Giám đốc). Thời gian này là dịp tôi được gần Cụ Hồ nhất; vì trong nhiều phiên họp của Hội đồng, tôi được dự nghe để làm thông tin. Các sự kiện xảy ra trong nước và thế giới, tôi phải hỏi

Cụ. Hỏi không phải ở Chủ tịch phủ, mà ngay ở cái chòi Cụ ở. Hồi này cũng có nhiều người Nam Bộ ở gần Cụ Hồ (Diệp Minh Châu, Phạm Ngọc Thạch...); tôi thì ở xa hơn...

Tóm lại, thời làm Tổng Giám đốc Nha Thông tin là thời tôi được gần nhất với Hồ Chủ tịch. Cụ chỉ thị những tin tức cần phát ra, thái độ đối với trong nước, thế giới... Cụ Hồ ở bên kia núi, tôi ở bên này, qua lại không khó khăn lắm nhưng không thường gặp vì vấn đề giữ bí mật.

Đầu năm 1951 (sau Đại hội Đảng), theo nguyện vọng của tôi, tôi được chuyển sang ngành giáo dục. Cho đến khi về Hà Nội (1954), mình cũng không có nhiều dịp được gặp Cụ; gặp trong những tiếp khách (réceptions) thì có.

Cuối cùng, tôi muốn nói hai chuyện; một chuyện có tính chất gia đình, một chuyện có tính chất công việc:

Có một bữa, sau Genève, hai vợ chồng tôi được mời đi câu lạc bộ Ba Đình. Cụ Hồ gặp, tôi giới thiệu vợ tôi. Cụ hỏi rất tự nhiên: "Cháu đâu?". Bà nhà tôi trả lời: "Con nó chết rồi ạ". Cụ lấy làm tiếc. Nhân câu chuyện, tôi nói: "Cụ Nguyễn Sinh Sắc rời Sài Gòn đi lục tỉnh, nhà đầu tiên ông cụ ghé là nhà ông già bà này. Gia đình được hân hạnh

nấu cơm cho Cụ Sắc và đưa Cụ xuống sâu hơn nữa về miền Tây". Cụ Hồ nói: "Khi nào hòa bình lập lại, tôi sẽ vào Nam thăm đồng bào, và sẽ lần theo bước chân ông Sắc để cám ơn đồng bào và gia đình đã có công bảo vệ ông cụ Sắc".

Tôi không có điều kiện được gần Cụ Hồ cho lắm, chỉ trong công tác vậy thôi. Nhưng mà chắc Cụ cũng biết việc tôi làm, sự lên xuống của cuộc đời tôi và cả bản chất của tôi nữa. Một hôm Vũ Kỳ nói với tôi: "Bác đau rồi, rất yếu rồi" và Bác có hỏi Vũ Kỳ: "Chú Giàu bây giờ làm gì?". Vũ Kỳ nói: "Bây giờ anh ấy làm giáo sư ở đại học".

Ít lâu sau Cụ mất, có một lần tôi được lệnh của Ban Tổ chức Lễ tang lên đứng hầu bên giường Cụ (quan tài Cụ đang để ở nhà họp Quốc hội); một số anh em được thay phiên nhau.

Từ đó về sau, tôi chú trọng nghiên cứu Hồ Chủ tịch; vì khi bên Pháp rồi về Việt Nam, rồi qua Campuchia, không có dịp nào, cũng khó có tài liệu nghiên cứu về Hồ Chí Minh. Từ 1949 - 1950 tôi mới có dịp và cho đến nay tôi vẫn tiếp tục. Tài liệu bây giờ dễ hơn. Nghe nói "Hồ Chí Minh toàn tập" 16 - 20 quyển, sẽ có nhiều tài liệu hơn. Tôi nghĩ: nghiên cứu về Hồ Chí Minh không phải chỉ nghiên cứu những gì Cụ viết, mà anh em gần

gũi nghe nhiều lần nhập tâm, rồi việc làm của Cụ, cách ứng phó của Cụ trước thời cuộc... Đó cũng là tư tưởng Hồ Chí Minh. Tư tưởng Hồ Chí Minh khác với tư tưởng khác, phải tìm không chỉ trong sách vở, mà cả trong lời nói, hành động, ứng xử - cả trong sự nói mà không nói, viết mà không viết - thì mới nắm được tư tưởng toàn diện của Cụ. Như vậy là khó khăn lắm.

Từ khi hưu trí về trong Sài Gòn này, tôi làm những việc như là viết cuốn "Địa chí văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh", có đến cuốn thứ tư; và tôi bắt đầu nghiên cứu về tư tưởng Hồ Chí Minh. Tôi rất hoan nghênh chủ trương của Viện Mác - Lênin là không chỉ kêu gọi trong Thành phố Hồ Chí Minh hợp tác, mà còn đặt nhiệm vụ cho giới nghiên cứu ở Thành phố Hồ Chí Minh cũng nghiên cứu toàn bộ Tư tưởng Hồ Chí Minh cùng với ngoài Bắc, để tìm ra kết quả tốt đẹp nhất.

Về phần tôi, có lẽ gần một năm nay rồi, tôi đã viết cái phần của tôi, chưa in, chắc còn chờ những phần khác. Riêng phần của tôi, trước khi tôi bệnh, tôi có ý định viết quyển sách về "Đạo đức học, Đạo đức Hồ Chí Minh, Đạo đức Việt Nam". Tôi muốn viết quyển sách đó lắm, nhưng mà không biết với sức khỏe của tôi lúc này, có làm nổi hay

không. Nhưng cũng cứ vẫn đặt ra, để các anh em khác nghiên cứu, bởi vì vấn đề thực ra là rất lớn.

Bây giờ chúng ta giống như là một chiếc thuyền giữa biển khơi có sóng gió lớn, tất cả các ngôi sao ở trên trời đều bị mờ, thì chỉ còn ngôi sao Hồ Chí Minh, cái địa bàn (la bàn) Hồ Chí Minh vững chắc cho chúng ta thôi. Nếu mà mình không nghiên cứu cái tư tưởng, cái đạo đức Hồ Chí Minh cho sâu sắc và ứng dụng nó cho sắc sảo, cho trung thành thì khó đạt hiệu quả cao, nhất là trong thực tế hiện nay. Cho nên ta đã đi từ Hồ Chí Minh thì ta phải tiếp tục trở lại và đi sâu hơn nữa vào tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh, không có cách nào khác. "Ta về ta tắm ao ta" thôi. Nhưng mà câu sau "Dầu trong dầu đục..." thì không đúng; ngẫm lại thì thấy "ao nhà" vẫn là nước trong hơn hết.

Tôi nghĩ rằng Cách mạng tháng Mười, sự nghiệp của Lénine rất lớn, nhưng rút cục lại như vậy, muốn gây dựng lại không phải là chuyện dễ dàng. Nói rằng Cách mạng tháng Mười đóng góp cho cách mạng thế giới lớn lao thì đúng rồi; nhưng sau Cách mạng tháng Mười có một cuộc cách mạng cũng đóng góp hết sức lớn lao cho nhân loại; trong thế kỷ XX này, nói thì như là tự phụ, nhưng mà sự thật thì chỉ có Cách mạng Việt

Nam. Cách mạng tháng Mười mở đường cho cách mạng thế giới, nhưng mà Cách mạng Việt Nam mở ra cho sự giải phóng các dân tộc trên thế giới. Đây là một việc rất lớn, lớn hết sức.

Mà nói đến Cách mạng Việt Nam là nói đến chiến lược, chiến thuật, nói đến tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh. Cho nên nếu mà mình bỏ thì giờ ra mà nghiên cứu chuyện này thì rất là quý. Tôi cũng mong rằng năm nay khỏi bệnh, cho tôi trở lại bình thường để tiếp tục nghiên cứu, làm một quyển sách chừng vài ba trăm trang thôi, cũng là làm cuốn sách cuối đời để mà cống hiến cho đồng bào; tôi sẽ chấm dứt hoạt động nghiên cứu bằng kỳ vọng thiết thực này, để rồi anh em chúng mình đóng góp vào, để có một cái gì cho hiện tại và tương lai của dân tộc. Dầu thế nào đi nữa tôi vẫn ráng sức làm, tuy rằng làm rất khó khăn, không biết có đủ thì giờ không?

* * *

Tóm tắt lại, tôi muốn nói với chú Quang là: tôi mà trở thành ông giáo sư, thành thầy của các chú, người thầy mà các chú không chê lắm, đó là nhờ tôi hoạt động cách mạng, làm một người cách

mạng chuyên môn, chuyên nghiệp. Sở dĩ trong cách mạng chuyên nghiệp, tuy sự nghiệp tôi không lớn lao gì, nhưng tôi làm được một số chuyện đáng kể, đó cũng là nhờ nghiên cứu khoa học, cũng nhờ sự cố gắng giúp đỡ anh em ở trong tù, ở ngoài tù, học tập khoa học nói chung và học tập chủ nghĩa Marx-Lénine, tư tưởng Hồ Chí Minh nói riêng.

Tóm lại, cuộc đời của tôi là cuộc đời chính trị, cuộc đời khoa học. Hai cái đó cuộn vào nhau, cái này làm cơ sở cho cái kia, như là hai đầu một cái lò xo vậy. Những chuyện "lẻ tẻ", nếu chú muốn nghe, thì còn dài dài. Sách Tàu đâu đó có câu "Quý hồ tinh, bất quý hồ đa". Chú ghi lại cho con cháu chú đọc cũng phải cho "tinh"; đó là công chuyện của chú.

(Nguyễn Phan Quang ghi lại -
Đầu năm 1995 tại Thành phố Hồ Chí Minh)

TRẦN VĂN GIÀU

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 9 năm 2001

Thân gởi các đồng chí :

Tiến sĩ TÔ BỬU GIÁM
Giáo sư NGUYỄN PHAN QUANG
Thạc sĩ NGUYỄN VĂN LỊCH

Các đồng chí thân mến,

Tôi có một tâm nguyện từ vài chục năm nay là lập một giải thưởng khoa học ở thành phố Hồ Chí Minh về hai lĩnh vực mà tôi gắn bó nửa thế kỷ nay : *Sử học* và *Lịch sử tư tưởng*. Đương nhiên, Sử học và Lịch sử tư tưởng nói ở đây là bản sắc của Việt Nam, với giải thưởng, còn cụ thể hóa hơn : khu vực Nam bộ, cực nam Trung bộ và thành phố Hồ Chí Minh.

Nay, tôi có được một ít tiền, tâm nguyện trên thực hiện thuận lợi.

Để điều hành giải thưởng, tôi mời đồng chí Trần Bạch Đằng làm Chủ tịch Ủy ban giải thưởng, đồng chí Trần Bạch Đằng đã vui vẻ nhận lời. Qua thư này, tôi trân trọng mời đồng chí Nguyễn Phan Quang, Tô Bửu Giám làm Phó chủ tịch và đồng chí Nguyễn Văn Lịch làm Tổng thư ký. Ủy ban giải thưởng chỉ gồm mấy người thôi, còn Hội đồng xét thưởng sẽ rộng hơn, do Ủy ban quyết định. Ủy ban đồng thời phụ trách quản trị tài chính của giải. Giải sẽ phát mỗi năm một lần và chỉ một giải cho một bộ môn.

Các việc về điều lệ giải, quy chế giải, v.v đề nghị Ủy ban giải quyết trong phiên họp thứ nhất.

Thành lập giải sẽ công bố ngày thứ năm (06/09/2001).

Thiết tha mong các đồng chí nhận lời.

TRẦN VĂN GIÀU

PHU LUC

BAN KHAI CUA TRAN VAN GIAU TAI NHA MAT THAM NAM KY (Tháng 5 – 1935)

NGUYEN PHAN QUANG
(sưu tầm, giới thiệu)

Những dòng các ông sắp đọc sau đây về cuộc đời tôi đã được gửi đến Nha Cảnh sát, phố Catinat. Tôi không có ý định đòi hỏi một suất cơm, cũng không yêu cầu được mở khóa xiềng, càng không yêu cầu một chiếu cố nào của chính phủ thuộc địa.

Không bao giờ! Tôi có suy nghĩ của tôi và tôi giữ nguyên suy nghĩ đó. Tôi tin ở học thuyết Mác-xít và tôi không bao giờ rời bỏ. Hoạt động cách

mạng của tôi đã bị kẻ khác phát giác, vì rằng các đồng chí của tôi và cả bản thân tôi hoạt động chưa thận trọng hơn...

Gia ñình[1]

Tôi sinh ngày 11-9-1911 ở An Tập (nay là An Lục Long), tổng Thạnh Mục Hạ, tỉnh Tân An (Nam Kỳ), con của Trần Văn Choi và Nguyễn Thị Phụng, điền chủ nhỏ (khoảng 15 hecta ruộng ở An Lục Long và Long Tri - Tân An). Cha mẹ tôi là nông gia sung túc nhưng đã phá sản do khủng hoảng kinh tế.

Tôi có 3 người anh và 4 người chị:

1. Trần Thị Đang, 50 tuổi, góa chồng, buôn bán ở Long Trì, tổng Thạnh Mục Hạ (Tân An),

2. Trần Thị Định, 47 tuổi, chồng là Nguyễn Văn Phôi, điền chủ nhỏ ở Dương Xuân Hội, tổng Thạnh Mục Thượng (Tân An),

3. Trần Thị Tường, 45 tuổi, góa chồng, có vài hec-ta ruộng ở Đăng Hưng Phước, tổng Thạnh Phong (Mỹ Tho),

1 Những "Tiểu mục" là của Nha Cảnh sát Nam Kỳ.

4. Trần Văn Nuôi, 45 tuổi, hương hào làng Long Trì (Tân An), cha của Trần Văn Quảng,

5. Trần Văn Phận, 40 tuổi, đã có vợ, bị què chân, ngụ ở An Lục Long (Tân An),

6. Trần Thị Lợi, 32 tuổi, sống với chồng tại nhà cha mẹ tôi ở An Lục Long (Tân An),

7. Trần Văn Mười, 27 tuổi, đã có vợ, lo việc cày cấy ruộng của cha mẹ tôi ở An Lục Long (Tân An).

Các anh chị tôi đều theo đạo Phật, biết chữ Nho và chữ quốc ngữ.

Năm 1930, tôi lấy vợ tên là Đỗ Thị Đạo, 23 tuổi, sống với cha mẹ tôi ở An Lục Long (Tân An). Vợ chồng tôi vừa có một con gái chưa đầy 3 tháng.

Nhöng nam ñau tien cap sach ñi hoc

Là đứa con út trong gia đình, tôi được cưng chiều nhất. Tôi bắt đầu đọc và viết chữ quốc ngữ (không học chữ Nho) với anh tôi là Trần Văn Mười. Năm lên 9, tôi mới bắt đầu đi học trường hàng tổng Tầm Vu, thuộc làng Dương Xuân Hội (Tân An). Năm 11 tuổi theo học trường Sơ học và ba năm sau thi đỗ Tiểu học Pháp - An Nam nên được đi chơi Vũng Tàu - một chuyến đi gợi cho

tôi lần đầu tiên ý nghĩ phải đi đến những nơi xa lạ để học quan sát và xét đoán.

Hoc ô Tröông Chasseloup Laubat (tö 9-1925 ñen 7-1928)

Trúng tuyển vào cuối tháng 8-1923, tôi được vào học trường Chasseloup Laubat tháng 9 năm đó. Vì không theo học lớp Nhất ở cấp Tiểu học nên những tháng đầu tiên ở cấp trung học tôi học rất vất vả. Nhưng với thời gian và cố gắng, tôi cũng đuổi kịp các bạn lớp.

Hồi đó, tôi chẳng biết gì về chính trị và không hiểu vì sao tôi lại không tham dự một cuộc biểu tình khi đang học năm thứ nhất.

Khi tôi học lên năm thứ ba thì xứ này có một phong trào sinh viên rủ nhau sang Pháp. Tôi bị cuốn theo "cơn sốt" này và cũng xin đi Tây. Tuy biết rằng cha mẹ tôi lúc này đang mắc nợ 3.000$ (piastre), nhưng tôi vẫn năn nỉ đến cùng, nên cha tôi đành phải chiều con, đi vay thêm nợ để lo cho chuyến đi Tây của tôi.

Sang Phap (thang 9-1928)

Tháng 9-1928, tôi xuống tàu "Cap St. Jacques" đi Marseille. Xin mở dấu ngoặc ở đây: từ ngày tôi vào học trường Chasseloup Laubat đến ngày ra trường, tôi chưa có quan niệm gì cố định, rõ ràng về chính trị; có chăng chỉ mới nẩy sinh xu hướng dân chủ cải lương cánh tả.

Từ Sài Gòn đi Marseille, tôi làm quen với một viên thuyền trưởng già, trước kia ông làm việc ở Bắc Kỳ, nghiện thuốc phiện nặng, nhưng ông ta đã thắng được thói xấu này nhờ sức mạnh của ý chí. Tâm sự của ông bạn đồng hành này làm tôi nể phục, và tôi rút ra kết luận: không có sai lầm nào không thể sửa chữa, cũng như không có khó khăn nào không thể vượt qua. Tôi có được một bài học quý giá qua chuyện này.

Nhöõng ngay ñau tien ô Phap (tö 10-1928 ñen 5-1930)

Khi tôi đến Marseille thì thời tiết bắt đầu trở lạnh. Với một bộ côm-lê (complet) bằng vải trắng và chiếc mũ cát (casque) trên đầu, tôi có vẻ như một tay lang thang.

Tôi được một người An Nam của Ủy ban đón tiếp đến gặp. Sau vài ngày ở Marseille, tôi đến Toulouse; cũng nhờ sự sắp xếp chu đáo của Ủy ban này, khi vừa đến Toulouse, tôi được gặp hai đại diện của Hội Ái hữu Đông Dương. Tại trụ sở Hội, tôi được bố trí ăn ở chu đáo, chưa kể có nhiều điều kiện giải trí (có sân tennis và phòng đọc sách).

Mấy ngày sau, tôi được nhận vào trường Trung học (Lycée), lớp 1B. Có thể nói hồi này tôi là học trò xuất sắc, được chỉ định tham dự các kỳ thi tuyển chung về lịch sử, địa lý và văn chương. Nhận được bằng tú tài phần 1 vào tháng 7-1929, tôi dự thi môn Triết học với tư cách học sinh ngoại trú, đồng thời chuẩn bị lấy chứng chỉ môn Địa lý; tôi dự tính năm sau sẽ thi luôn ba bằng cử nhân.

Tôi rất mê đọc sách; đọc mỗi thứ một ít, nhưng tôi chú tâm hơn các sách về cộng sản, các tác phẩm của Emile Zola. Tôi cảm phục tài năng của nhà văn này, nhưng tôi không thích ông ta ở góc độ xã hội học. Ông ta chưa hiểu được những tai họa mà giới thợ thuyền phải gánh chịu và phải đấu tranh chống những tai họa đó như thế nào. Nhà văn Zola thiếu tư duy thực tế này. Do vậy, tôi ngày càng hướng sự tò mò của mình vào các tác phẩm lý thuyết của Karl Marx và Lénine. Cuối

cùng, chủ nghĩa cộng sản đã hấp dẫn tôi.

Hồi đó, trong nội bộ Hội Ái hữu Đông Dương có hai phái: phái "bảo thủ" và phái "trẻ". Phái "trẻ" (trong đó có tôi) gia nhập Hội liên hiệp sinh viên (phân bộ Toulouse), biểu thị tư tưởng cộng sản; do vậy nảy sinh lục đục trong nội bộ Hội này. Phái "trẻ" liên lạc với Phân bộ cộng sản Toulouse và tham gia một số cuộc mít tinh do những người vô sản Pháp tổ chức.

Năm 1930, tin tức về vụ đàn áp đẫm máu vừa sang đến nước Pháp gây công phẫn trong đa số người An Nam. Sau những điện tín phản kháng gửi Tổng thống Gaston DOUMERGUE, có thêm mấy cuộc biểu tình. Ở Toulouse ngày 1-5, phái "trẻ" tổ chức một mít tinh với sự hỗ trợ của những người cộng sản Pháp và tôi có tham dự. Tôi liền bị bắt, nhốt ở Capitole (?). Nhưng tôi chỉ bị nhốt khoảng nửa tiếng đồng hồ, vì đám đông - hay đúng hơn là những công nhân Pháp - kéo đến bót đòi thả tôi ra. Hành động này khiến tôi hết sức xúc động, và tôi hiểu rằng những người vô sản Pháp rất quan tâm số phận của các dân tộc thuộc địa.

Ít lâu sau, trước kỳ thi, tôi đi Paris, trước hết là do sở thích riêng, sau nữa là để đại diện cho các

bạn tôi ở Toulouse tham dự hội nghị chuẩn bị tổ chức lại Tổng hội sinh viên Đông Dương (A.G.E.I).

Thế nhưng, vừa đến thủ đô Paris (ngày 22-5), tôi được tin sẽ có một cuộc biểu tình vào buổi chiều ở quảng trường Élysée yêu cầu Tổng thống Cộng hòa Pháp miễn xá án tử hình cho những người trong vụ Yên Bái. Tôi bèn nhập vào đoàn biểu tình. Kết quả là: cuộc biểu tình bị giải tán, nhiều người bị bắt giữ; tôi ở trong số đó.

Người ta nhốt tôi vào một đồn cảnh sát gần đó rồi giải tôi sang Tòa án. Sau mấy lời "giáo huấn", bất chấp tuổi của tôi, người ta không chuyển tôi vào Santé hay La Roquette, mà nhốt tôi trong nhà giam lũ trẻ quậy phá (gavroches). Tôi chẳng thắc mắc gì về cách đối xử cũng như quản lý tồi tệ của nhà giam này.

Nhiều ngày trôi qua, cuối cùng tôi bị giải về Marseille, gặp lại nhiều người bạn cũng bị trục xuất cùng lý do như tôi. Chúng tôi bị giải lên tàu "Athos II" và về đến Sài Gòn ngày 24-6-1930.

Tôi nghĩ bụng: về nước chắc chắn sẽ bị giam thêm mấy tháng nữa; nhưng chính phủ đã "khoan dung", đơn giản là chỉ muốn chúng tôi rời xa nước Pháp mà thôi.

Trô ve Nam Ky lan ñau tien (cuoi thang 6-1930 ñen ñau nam 1931)

Được tự do, tôi gặp lại gia đình đã hoàn toàn sa sút. Mấy tuần sau, tôi lên Sài Gòn tìm việc làm. Được nhận làm giáo sư văn chương và lịch sử ở trường "Huỳnh Công Phát" do chính ông này làm hiệu trưởng; vất vả lắm mới nhận được vài đồng bạc đủ sống. Sự ham thích học hỏi luôn thúc giục tôi; tôi quyết định đến cuối năm 1930 sẽ trở sang Pháp bằng bất kỳ giá nào...

Thời gian này, qua một người bà con xa làm trung gian, tôi quen một học trò trường Pétrus Ký và cho anh ta mấy cuốn Sơ yếu về chủ nghĩa Marx. Tiếp đó, tôi được tin anh này bị bắt và đã cáo giác tôi. Toà án ra lệnh gửi trát bắt tôi hầu tòa...

Sang Phap lan thö hai (ñau nam 1931 ñen thang 5-1931)

Đầu năm 1931, tôi bí mật lên tàu "Cap St. Jacques", thỏa thuận với một thợ giặt người Bắc Kỳ tôi quen biết hồi sang Pháp lần đầu, với 100$ trao tay.

Đến Marseille, hầu như không có khám xét gì,. Ba tuần sau, khi đang đi loanh quanh trong thành phố để tìm một công việc gì đó, tình cờ tôi gặp người bạn từng quen biết ở Paris hồi 1930, tên là Bùi Đồng.

Sau khi biết hoàn cảnh tôi, anh đề nghị tôi cộng tác với anh ta. Tôi biết anh là đảng viên cộng sản Marseille (P.C.M.), phụ trách tờ báo "Vô Sản". Trong vòng hai tháng, tôi giúp anh biên tập bài vở và ở chung với anh trong một nhà trọ nhỏ ở "Rue du Tapis-Vert". Anh có viết thư lên Paris về trường hợp của tôi. Một hôm, anh hỏi tôi có muốn đi học ở Nga không? Tôi phấn khởi quá và đồng ý ngay tức khắc.

Đến cuối tháng 4-1931, nhờ sự gửi gắm của Bùi Đồng, tôi rời Marseillle lên Paris với một ít tiền đi đường. Tới Paris, tôi tìm đến một quán cà phê ở quận 14 (tôi không nhớ biển hiệu và số nhà), tay cầm tờ "Petit Marseillais". Tại đây, tôi gặp một người Pháp cầm trong tay tờ "Le Petit Parisien". Tôi vừa bước vào quán, anh ta đứng lên và hỏi: "Ông L.! Có khỏe không?". Sau câu trả lời chính xác của tôi, hai người vào ngồi ở một góc quán. Cuộc trao đổi ngắn gọn, đủ thời gian để anh bạn

Pháp chuyển cho tôi một hộ chiếu Tàu mang tên L., một vé tàu hỏa đi Moscou và khoảng 600-700 francs tiền túi.

Có được visa của lãnh sự Ba Lan và dự ngày 1-5, tôi rời thủ đô bằng tàu hỏa Paris - Berlin - Varsovie - Moscou. Tôi chẳng nhớ gì nhiều về nước Bỉ, nước Đức và Ba Lan, chỉ mong tàu chóng chạy qua các nước này. Đến biên giới Nga - Ba Lan, người ta chuyển tàu. Thoải mái quá! Ngồi trên tàu mà có cảm tưởng đang đi trên một du thuyền với chỗ ngủ đầy đủ tiện nghi! Tàu hỏa chạy suốt ngày hôm đó mới đến Moscou.

Thôi gian ô Nga (tö 5-1931 ñen 8-1932)

Đến Moscou, tôi được nhận vào học "Trường Staline" (Trường Đại học Phương Đông), nhưng chưa được học ngay, vì học trò đang nghỉ hè[1]. Theo tôi, việc học trò được trả lương tháng chỉ có ở nước Nga. Trừ tiền lưu trú và giặt là, mỗi tháng

1 Vẫn theo "Bản khai" của Trần Văn Giàu: trước kia, mỗi khóa học ở Trường Staline là ngót 3 năm, sau đó rút xuống 2 năm, cuối cùng chỉ còn 1 năm (đối với một số sinh viên).

tôi còn dư 70 rúp. "Mọi việc lao động đều được trả lương". Nguyên tắc ở Nga là như vậy. Anh dịch một cuốn sách, người ta trả ngay cho anh mỗi trang 1 hoặc 2 rúp.

Chẳng thiếu thứ gì ở Trường Staline: tiện nghi hiện đại, thực phẩm sạch, đủ loại giải trí. Nội dung học tập gồm các môn: chủ nghĩa Lénine, lịch sử, kinh tế - chính trị học, nguyên tắc tổ chức đảng cộng sản v.v... Phương pháp học tập là phương pháp đại học, nghĩa là mỗi ngày chỉ lên lớp 4 giờ. Thời gian còn lại dành cho sinh viên tự nghiên cứu, thảo luận về những vấn đề giáo sư nêu ra ở lớp, dịch tài liệu v.v...

Nội dung các buổi lên lớp rất súc tích vì chương trình quy định thu gọn trong một năm. Muốn tiếp thu tốt bài giảng thì phải biết tiếng Pháp hoặc tiếng Nga.

Ngoài các giờ lên lớp, hàng tuần người ta cho sinh viên tham quan các nhà máy. Tôi nhận thấy ở Nga không có nạn thất nghiệp, nhưng khó khăn nhất (về mặt công nghiệp) là thiếu nhân công. Người công nhân ở Nga được hưởng nhiều quyền lợi: lương cao, ngày làm việc 7 giờ, mỗi năm được nghỉ phép từ 10 đến 30 ngày, vẫn được hưởng lương, đọc sách ở thư viện, tham gia các hội đoàn v.v...

Mùa đông năm 1931 - 1932, một mùa đông rất khắc nghiệt, nhà trường tổ chức cho sinh viên đi dã ngoại: tham quan các thành phố lớn, các xí nghiệp lớn ở phía nam (Kakof, Dniepstroi, Kiev, Stalingrad, Sébastopol...). Tôi nhớ nhất là các lần tham quan ở Dniepstroi và vùng than Staline. Ở những nơi này, người ta đang nỗ lực để hiện đại hóa công cụ sản xuất và cải thiện đời sống cho dân chúng.

Kết thúc những chuyến đi dã ngoại, chúng tôi trở về Moscou, chuẩn bị cho việc kết thúc niên khóa.

Trước khi đi nghỉ hè ở Crimée (tháng 6-1932), tôi tham dự khóa họp thứ 12 của Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản. Thú thực là tôi không tiếp thu được bao nhiêu khi nghe những diễn văn bằng tiếng Nga hoặc tiếng Đức, mặc dầu vẫn có micrô dịch ra tiếng Pháp bố trí ở tất cả các bàn họp.

Từ Crimée trở về (cuối tháng 7-1932), tôi được báo là sẽ về nước trước các đồng chí khác. Thế nhưng cũng phải đợi ngót một tháng mới có chuyến tàu bố trí cho tôi trở lại nước Pháp (tháng 8-1932).

Trước khi rời Moscou, tôi được dẫn tới Komitern (Quốc tế cộng sản). Một nữ đảng viên phụ trách "Những vấn đề Viễn Đông" tiếp tôi và giao cho tôi 1.300 đô-la Mỹ, hộ chiếu cũ, một vé tàu hỏa và chỉ thị cho tôi cần nhanh chóng quay về Đông Dương...

Ở Berlin, tôi nhận ra người chỉ đường có nhiệm vụ dẫn tôi đến biên giới Pháp - Đức, vì anh ta cũng cầm trong tay tờ "Le Petit Parisien". Cách biên giới một hay hai nhà ga xe lửa, anh bạn người Đức dẫn tôi ra khỏi tàu hỏa, thu lại hộ chiếu của tôi và giới thiệu tôi với một người Âu khác. Anh này dẫn tôi băng qua một cánh đồng rộng và một khu rừng rậm để tránh con đường đi qua nước Bỉ. Tôi hỏi người dẫn đường về địa danh vùng này, nhưng anh ta chỉ im lặng, chẳng nói nửa lời. Chúng tôi cùng vượt qua biên giới nhưng chẳng biết gì về nhau cả.

Tiếp đó, chúng tôi gặp một người liên lạc khác. Anh này là một người Pháp, dẫn tôi đến nhà ga gần đó, sát biên giới Luxembourg và cùng mua vé tàu về Paris (...).

* * *

Tôi bị bắt ngày 19-4-1935 tại phố Verdun khi đang viết tài liệu về ngày 1-5. Như vậy, tính đến nay, tôi đã bị giam ở đồn cảnh sát 25 ngày. Tôi đau lòng vì thất bại, nhưng tinh thần tôi không hề lay chuyển.

Mười năm ngồi tù? Đó không phải là vĩnh viễn! Đến năm 1945, tôi lại sẽ tự do! Tôi không hối tiếc gì hết. Gieo cái gì thì gặt cái đó (on récolte ce qu'on a semé)[1].

Sài Gòn, 14-5-1935

HỒ NAM[2]

1 Trung tâm lưu trữ quốc gia 2 – KH: IIA-45/291.

2 HỒ NAM là một trong các bí danh của Trần Văn Giàu.

Trước khi rời Moscou, tôi được dẫn tới Komitern (Quốc tế cộng sản). Một nữ đảng viên phụ trách "Những vấn đề Viễn Đông" tiếp tôi và giao cho tôi 1.300 đô-la Mỹ, hộ chiếu cũ, một vé tàu hỏa và chỉ thị cho tôi cần nhanh chóng quay về Đông Dương...

Ở Berlin, tôi nhận ra người chỉ đường có nhiệm vụ dẫn tôi đến biên giới Pháp - Đức, vì anh ta cũng cầm trong tay tờ "Le Petit Parisien". Cách biên giới một hay hai nhà ga xe lửa, anh bạn người Đức dẫn tôi ra khỏi tàu hỏa, thu lại hộ chiếu của tôi và giới thiệu tôi với một người Âu khác. Anh này dẫn tôi băng qua một cánh đồng rộng và một khu rừng rậm để tránh con đường đi qua nước Bỉ. Tôi hỏi người dẫn đường về địa danh vùng này, nhưng anh ta chỉ im lặng, chẳng nói nửa lời. Chúng tôi cùng vượt qua biên giới nhưng chẳng biết gì về nhau cả.

Tiếp đó, chúng tôi gặp một người liên lạc khác. Anh này là một người Pháp, dẫn tôi đến nhà ga gần đó, sát biên giới Luxembourg và cùng mua vé tàu về Paris (...).

* * *

Tôi bị bắt ngày 19-4-1935 tại phố Verdun khi đang viết tài liệu về ngày 1-5. Như vậy, tính đến nay, tôi đã bị giam ở đồn cảnh sát 25 ngày. Tôi đau lòng vì thất bại, nhưng tinh thần tôi không hề lay chuyển.

Mười năm ngồi tù? Đó không phải là vĩnh viễn! Đến năm 1945, tôi lại sẽ tự do! Tôi không hối tiếc gì hết. Gieo cái gì thì gặt cái đó (on récolte ce qu'on a semé)[1].

Sài Gòn, 14-5-1935

HỒ NAM[2]

1 Trung tâm lưu trữ quốc gia 2 – KH: IIA-45/291.

2 HỒ NAM là một trong các bí danh của Trần Văn Giàu.

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Nguyễn Phan Quang
Giáo sư Trần Văn Giàu = Nghe Thầy kể chuyện / Nguyễn Phan Quang. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 2011. - 88tr. : ảnh ; 21cm
ISBN 9786045800522

1. Trần Văn Giàu, Giáo sư, Nhà khoa học, 1911-2010, Việt Nam 2. Tiểu sử 3. Sự nghiệp 4. Truyện kí
300.92 - dc14

TMB0011p-CIP

GIÁO SƯ TRẦN VĂN GIÀU

Nghe thầy kể chuyện

NGUYỄN PHAN QUANG

Chịu trách nhiệm xuất bản
NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG

Biên tập: TƯỜNG MINH

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP. HỒ CHÍ MINH
NHÀ SÁCH TỔNG HỢP
62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1
ĐT: 38225340 – 38296764 – 38247225
Fax: 84.8.38222726
Email: tonghop@nxbhcm.com.vn
Website: www.nxbhcm.com.vn / www.sachweb.vn

GPXB số: 1131–2012/CXB/672–123/THTPHCM ngày 24/9/2012.